

SỐ 1722

PHÁP HOA DU Ý

Hồ Cát Tạng biên soạn

TỰA MỞ ĐỀ

Nghe rằng: Bạc Vô Thượng Điều Ngự Nhất Thiết Chủng Trí bên trong soi sáng Ba minh, bên ngoài lưu bố bảy biện tài, chứa nhóm tư chất vô hạn phương hóa thích ứng vô lường, thấy đều thể gom đạo lý không ai chẳng hợp cơ. Còn Kinh Diệu pháp Liên Hoa, là lời cách ngôn cùng lý tốt tánh, cực thuyết rốt ráo vô dư, lý rất sâu xa thống nhiếp yếu chỉ các kinh, văn bản ý chỉ khéo léo mầu nhiệm, là chỗ của ba Thánh ngợi khen, nơi bốn nường cung kính.

Xưa bậc Tiên Nhân, trong vườn rậm chứa soi chiếu ngọc ma-ni này, nay ở núi Linh-thứ mới rưới nước cam-lộ này. Bởi do chí nguyện Tiểu thừa trước nên phương tiện sớm cho xe dê, xe nai, sau tâm Đại thừa phát mới có xe trâu trắng. Đây thật là lời minh huấn cho Bồ-tát, là khuôn phép mầu nhiệm chốn đạo tràng. Văn kinh tuy có bảy nghĩa chia làm hai chương, một là mở cửa phương tiện, hai là làm rõ nghĩa chân thật. Mở cửa phương tiện là mở ra hai thứ phương tiện, làm rõ nghĩa chân thật là làm rõ hai thứ chân thật. Mượn ba xe để ngoài cửa dẫn dụ bọn trẻ mê chơi giỡn, lập hóa thành ở giữa đường để đón rước chúng mỗi một gọi là thừa phương tiện. Đều vì đàn con của mình mà ban cho xe lớn, biết chúng đã nghỉ ngơi cùng nhau đến đảo châu báu gọi là thừa chân thật. Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký, thành đạo tại thành Già-da, đản sinh trong cung Vua, nhập Niết-bàn ở xứ Song-lâm gọi là thân phương tiện. Ngài Dật đa không biết ngọn nguồn, kể cùng học

chẳng lường chung cuộc, sáu đường không nhiếp độ chúng sinh đó, sức gánh vác chẳng hóa được thể kia gọi là thân chân thật. Hai môn đã là phương tiện, vì thế lời thô, hai thứ gồm chung gọi là chân thật, nên gọi đó là “diệu”. Hễ mượn một để phá ba, ba trừ mà một xả. Mượn dài để bác bỏ ngắn, ngắn dứt thì dài cũng quên, cho nên ngôn ngữ cùng tột, suy nghĩ dứt bật, đâu có thật đâu có quyền? Bỏ tánh vắng lặng, chẳng ai mở, chẳng ai che!

Do đó lý vượt ngoài lời, tạm gọi là “Diệu”. Lấy vật làm khuôn phép thì gọi đó là “Pháp”, đạo mẫu biểu tượng giả dụ hoa sen. Cái gọi là kinh thì sự mẫu nhiệm làm rõ không lời, vắng lặng xưa nay chẳng đổi, thể đáng để vì chẳng mà lau chùi nên gọi là kinh.

Có mười môn nghĩa huyền diệu của kinh Pháp Hoa có chia ra mười môn:

1. Môn Ý nghĩa nói kinh này.
2. Môn Tông chỉ.
3. Môn Giải thích tên đề Kinh.
4. Môn Nói về ý giáo của Kinh này
5. Môn Hiển và Mật
6. Môn ba thừa và nhất thừa
7. Môn Công dụng
8. Mở rộng kinh
9. Môn Bộ đảng
10. Môn Duyên khởi

I. Môn ý nghĩa nói kinh này: Hỏi Phật vì sao nói kinh Diệu pháp Liên Hoa này? Chư Phật khi vô sự và vì nhân duyên nhỏ thì chẳng bao giờ các ngài tự phát ngôn, nay có nhân duyên lớn lao như thế nào mà Phật nói kinh này?

Đáp: Kinh Diệu pháp Liên Hoa, ý nghĩa vô lượng, cái gọi là nhân duyên cũng chẳng phải một, nay lược nêu cương yếu chai thành mười môn.

- *Một là:* Muốn nói các hạnh Bồ-tát cho các Bồ-tát tu hành nên nói kinh này.

Hỏi: Bắt đầu từ gom Hoa Nghiêm đến cuối cùng trước gom kinh Pháp Hoa nhóm hợp hơn bốn mươi năm, các kinh Đại thừa đã nói hạnh Bồ-tát, nay vì sao lại nói kinh này?

Đáp: Có hai thứ Bồ-tát:

1. Bồ-tát thẳng đến
2. Bồ-tát bỏ Tiểu thừa, về Đại thừa.

Từ trước đến nay vì các Bồ-tát thẳng đến mà nói hạnh Bồ-tát. Nay muốn nói hạnh Bồ-tát cho các Bồ-tát bỏ Tiểu về Đại nên nói kinh này. Làm sao biết được ban đầu từ gom Hoa Nghiêm đến sau cùng trước gom Pháp hoa là Bồ-tát thẳng đến, còn nay là Bồ-tát bỏ Tiểu về Đại?

Trong phẩm Dũng Xuất chép: Các chúng sinh mới thấy thân ta nghe lời ta nói liền tin nhận nhập vào trí tuệ Phật, trừ những người trước kia đã tu tập học theo hạnh Tiểu thừa. Những người như vậy nay ta cũng giúp cho họ nghe được kinh này nhập vào trí tuệ Phật. Đã gọi là mới thấy thân ta, tức là thấy Đức Phật Lô Xá Na đạo tràng vắng lặng. Nghe ta thuyết pháp nghĩa là giáo pháp Hoa Nghiêm. Do đó biết từ xưa đến nay là vì Bồ-tát thẳng đến nói Hạnh Bồ-tát. Trừ những người đã tu tập và học theo hạnh Tiểu thừa cho nên biết trước đó chưa nói Hạnh Bồ-tát cho Nhị thừa nghe. Những người như vậy nay ta cũng khiến cho họ nghe được kinh này nhập vào trí tuệ Phật cho nên biết nay vì người bỏ Tiểu về Đại mà nói hạnh Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao Văn kinh chỉ y theo vào hai hạng người?

Đáp: Ban đầu nêu việc làm vì người Đại thừa là khởi đầu, sau nêu giáo pháp cho Tiểu thừa là chung cuộc, thì chặng giữa của một đời giáo hóa có thể biết.

Hỏi: Vì sao trước vì Bồ-tát thẳng đến sau mới vì người bỏ Tiểu về Đại?

Đáp: Các Bồ-tát thẳng đến thực hành Phật đạo đã lâu được phước đức lợi căn nên cho nói họ nghe trước. Còn người bỏ Tiểu về Đại không tu hành Phật đạo phước mỏng độn căn nên sau mới cho nói họ nghe.

Phẩm Phương Tiện chép: Có Phật tử tâm thanh tịnh mền mỏng cũng lợi căn vô lượng, ở chỗ Chư Phật tu hành đạo sâu xa mâu nhiệm, vì các Phật tử này mà nói kinh Đại thừa. Người độn căn ưa pháp Tiểu thừa tham đắm sinh tử, đối với vô lượng Chư Phật không tu hành đạo thâm diệu bị các khổ não loạn nói cho họ nghe kinh Niết-bàn. Cho đến nay chính là thời kỳ quyết định nói Đại thừa. Nên biết Bồ-tát lợi căn trước nghe đại đạo, Thanh văn kém cõi sau mới vào được trí tuệ Phật, đã chứng được rõ ràng lý kia.

- Hai là: Muốn nhận lời thỉnh của Phạm Vương nên nói kinh này.

Hỏi: Thuở xưa các giáo như Bà Nhã giáo... đã nói nhận lời thỉnh của Phạm Vương cho nên đâu có khác với nay?

Đáp: Thỉnh có hai thời, đáp cũng có hai cách. Hai thời thỉnh: Là Ban đầu thỉnh nói nhất thừa cội gốc nhất thừa, sau thỉnh nói giáo pháp

cành nhánh ba thừa. Đáp cũng có hai thời: từ xưa đến nay nhận lời thỉnh nói giáo pháp ba thừa, nay mới đáp ứng được lời thỉnh đó nói pháp luân cội gốc nhất thừa. Vì vậy nay nói nhận lời thỉnh là khác với xưa, nói đầy đủ như trong phẩm Phương Tiện và Luận Trí Độ quyển đầu.

- *Ba là*: Muốn nói Chư Phật ba đời mười phương hai trí quyền thật giúp nhau thành tựu nên nói kinh này, nhưng tâm Phật không hề có quyền và thật, thì đâu có ba và một ư! Cho nên trong ngoài đều sâu xa, duyên quán đều vắng lặng. Nhưng trong cái không có danh tướng giả nói có danh tướng. Muốn xuất hiện ở nơi chúng sanh nên tạm gọi là quyền thật cho nên có sự giúp nhau thành tựu. Chẳng phải thật thì không lấy gì để nói quyền, chẳng phải quyền thì không lấy gì để nói thật, thật có công năng khởi quyền, quyền có tác dụng giúp thật. Cho nên văn kinh chép: “Đối với một Phật thừa phân biệt nói thành ba,” nghĩa là từ thật khởi quyền, “Ta lập phương tiện này để khiến chúng sinh được nhập vào trí tuệ Phật” tức dùng quyền để thông suốt thật. Chỉ vì người nắm thọ giáo pháp hoặc chấp quyền bỏ thật, hoặc chấp thật bỏ quyền. Người chấp quyền bỏ thật thì xưa nay chấp ba thừa giáo không thể ngộ nhập nhất thật, người chấp thật bỏ quyền tức Bồ tát theo nhất thừa Pháp Hoa nghe đạo lý chỉ một không có ba thừa bèn chấp lý nhất thừa mà mất dụng ba thừa. Như Pháp Hoa luận giải thích phẩm Dược Thảo Dụ rằng: Vì trị bệnh cho Bồ-tát nên có phẩm này, tuy cùng sanh trưởng trên một mảnh đất, với một trận mưa xuống mà cây cỏ đều có sự thấm nhuần khác nhau. Đây là nói lý mặc dù là một mà tùy duyên có ba, đâu được chấp một mà mất dụng của ba? Thuở xưa người nắm thọ ba thừa giáo đã mất thật cũng mất luôn quyền, người chấp nhất thừa giáo đã mất quyền kia cũng mất thật. Hai hạng người này đều mất hai trí quyền thật của Như lai, đều trụ nơi đoạn thường luống dối điên đảo. Muốn phá duyên xưa, nay đều mất, khiến cho biết được Như lai hai trí quyền thật giúp nhau thành tựu. Đã biết hai trí thì liền nhập vào trí tuệ Phật, đồng trở về một đạo nên nói kinh này.

- *Bốn là*: Muốn nói ba pháp môn thanh tịnh do đó nói kinh này. Nhưng bản tánh của chúng sinh vắng lặng không hề dơ sạch. Tuy chẳng phải dơ sạch nhưng đối với chúng sinh điên đảo thì trở thành dơ, chỉ vì nhờ này chồng chất chúng sinh không thể liền trừ sạch ngay được, Chư Phật Bồ-tát lần lần ra khỏi. Cho nên có mở ra giáo pháp ba tịnh.

1. Dùng năm giới, mười điều thiện thanh tịnh ba đường
2. Nói Nhị thừa để làm thanh tịnh ba cõi
3. Nói một đạo để thanh tịnh Nhị thừa

Do ba đường là khổ nặng, ba cõi là khổ vừa, biến dịch là khổ nhẹ, nói ba môn để tịnh ba cấu kia. Ba cấu đã diệt thì ba thanh tịnh cũng mất cho nên nói kinh này. Nhưng nói ba tịnh là để dứt ba cấu, nếu ba cấu không còn thì ba tịnh cũng dứt, ngộ rõ các pháp bốn tánh tịch nhiên không hề cấu tịnh, mới vào tuệ Phật thẳng đến đạo tràng.

- *Năm là:* Muốn nói ba môn đưa pháp nên nói kinh này, nói chung các Thánh rừ lòng từ dạy kẻ phàm phu có ba môn:

1. Môn đưa tà về chánh
2. Môn dị về đồng
3. Môn đưa nhân về quả

Môn đưa tà về chánh là trước khi Đức Thích-ca chưa xuất thế gồm có hai tà là tại gia khởi ái chúng sinh và xuất gia khởi các chấp ngoại đạo. Hai thứ này trái với chánh đạo nên gọi là tà. Phẩm Phương tiện chép: Do nhân duyên các dục đầy đủ nên phải chịu các khổ độc, tức là hạng người khởi ái, vào rừng rậm tà kiến chấp có chấp không, nghĩa là các ngoại đạo kiến chấp. Cho đến Phẩm Thí Dụ chép: Khởi ái ví như trùng độc kia, các chấp dụ đồng ác quỷ. Đức Như lai ra đời đưa hai tà đó về chánh năm thừa. Trong hai hạng người này hoặc có, hoặc không nghe phi pháp thì dùng gốc lành cõi trời, người mà thành tựu. Người căn tánh ba thừa, thì dùng pháp ba thừa nhiếp lấy, cho nên nói đưa hai tà kia về chánh năm thừa.

Nói về môn đưa khác về đồng. Nếu người bảm thọ giáo pháp nghe ba thừa xưa mà liền ngộ nhất đạo thì chẳng cần lại nói giáo Pháp Hoa. Nhưng người độn căn tuy xả hai tà lại đối với năm thừa chấp có khác nhau, nay muốn đưa năm môn khác nhau này đồng quy nhất thừa gọi là môn đưa khác về đồng. Nói đưa nhân về quả tức là đưa năm thừa khác nhau ở trước đồng quy nhất thừa chỉ là nhân hạnh, nay vì muốn cho tu nhân chứng quả nên nói Chân thân và Ứng thân của Như lai gọi là môn đưa nhân về quả.

Trước khi nói kinh Pháp Hoa chỉ có môn ban đầu, kinh này đã dung gom giáo hóa một đời đầy đủ ba môn. Nhưng nói ý nghĩa của ba môn này là muốn hiểu thông suốt đạo vắng lặng vốn không lời, khiến thấu đạt lý huyền ngộ mà nghĩa diệu cực này không hề có tà chánh, cho đến chẳng lẽ là nhân quả hay sao! Vì vậy ba môn này chẳng giáo mà không thu, chẳng lý nào không nhiếp, như hư không bao trùm muôn tượng, như biển cả dung nạp trăm sông.

- *Sáu là:* Muốn nói ba thứ nhất thừa nên nói kinh này. Một là nhất thừa cội gốc, hai là giáo pháp cành nhánh, ba là gom ngọn về gốc.

Pháp luân Cội gốc nghĩa là lúc Phật mới thành đạo trong gom Hoa Nghiêm thuần vì Bồ-tát mở ra pháp môn nhất thừa, quả nhất thừa gọi là giáo cội gốc. Nhưng kẻ phước mỏng độn căn không thể nghe nổi pháp môn này nên đối với một Phật thừa phân biệt nói ba gọi là giáo pháp cành nhánh. Hơn bốn mươi năm nói giáo pháp ba thừa rèn luyện tâm chúng sinh, đến nay kinh Pháp Hoa mới được gom ba thừa về nhất đạo, tức là giáo pháp gom nhánh.

Hỏi: Văn kinh này chỗ nào có nói về ba luân? Trong phẩm Tín giải chép: Trưởng giả ngồi ghế sư tử, quyển thuộc vây quanh, báu vật bày ra tức chỉ cho giáo pháp cội gốc của Hoa Nghiêm. Gọi con không được bèn âm thầm sai hai người lại cởi bỏ châu báu, y phục tốt đẹp mặc áo xấu dơ nghĩa là ẩn một nói ba tức là giáo pháp cành nhánh. Như Trưởng giả giàu có biết con có ý chí thấp kém yếu hèn, muốn điều phục tâm con bèn dạy trí lớn gọi là giáo pháp đưa nhánh về gốc.

Lại phẩm Thí Dụ chép: Như ông Trưởng giả kia mặc dù thân tay có sức lực mà không thể dùng được, chỉ dùng phương tiện an ủi khuyên răn gắng cứu các con thoát nạn nhà lửa, rồi sau đều ban cho xe châu báu lớn. Câu đầu nghĩa là ẩn cội gốc, câu kế là khởi cành nhánh, câu sau là đưa nhánh về gốc, tức là chứng minh ba luân rõ ràng.

Hỏi: Ban đầu nói cội gốc sau nói đưa nhánh về gốc, hai môn này khác nhau thế nào? Xưa các sư phương Nam phương Bắc đều nói Hoa Nghiêm là giáo pháp rốt ráo, Pháp Hoa là thuyết chưa rõ ràng nay nói không đúng. Kinh này nói ban đầu dạy nhất thừa cứu con không được sau nói nhất thừa cứu con mới được, được và chưa được chính là ý nghĩa khác nhau, mà trước sau lý nhất thừa chẳng khác. Nếu sau nói nhất thừa cứu con mới được là giáo pháp bất liễu nghĩa, thì ban đầu nói nhất thừa cứu con không được cũng là giáo pháp bất liễu nghĩa. Nếu ban đầu cứu con không được bèn là giáo bất liễu nghĩa, thì Chư Phật ra đời là muốn dùng pháp bất liễu nghĩa để giáo hóa chúng sinh, trái với bản ý Chư Phật tổn thương ân tình cha con. Nay nói kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm có đồng có khác, đồng là vì một đạo thanh tịnh đại tuệ bình đẳng. Theo phẩm Dũng Xuất chép: “Các chúng sinh mới thấy thân ta nghe ta nói pháp liền tin nhận, nhập vào trí tuệ Phật trừ những người trước kia đã tu tập học hạnh tiểu thừa. Những người như vậy nay ta cũng khiến cho họ được nghe kinh này vào trí tuệ Phật,” tuệ Phật tức là đại tuệ bình đẳng, nên biết kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm đồng gọi là đại tuệ bình đẳng. Còn khác nhau giữa hai kinh thì nói sơ lược có năm thứ khác nhau:

1. Vị hóa chủ, kinh Hoa Nghiêm vị hóa chủ hiệu Lô xá na, còn vị hóa chủ kinh Pháp Hoa là đức Thích-ca. Kinh Hoa Nghiêm một vị Phật thuyết pháp, kinh Pháp Hoa thì nhóm hợp các phân thân Chư Phật, kinh Hoa Nghiêm thì Bồ-tát nói còn kinh Pháp Hoa thì Phật tự nói.

2. Chúng đệ tử: Kinh Hoa Nghiêm nói pháp cho hàng Bồ-tát thẳng đến, còn kinh Pháp Hoa nói cho những bồ Tiểu về Đại. Kinh Hoa Nghiêm chỉ nói cho Bồ-tát, Pháp Hoa nói chung vì cho người năm thừa. Kinh Hoa Nghiêm nói ngay cho Bồ-tát còn kinh Pháp Hoa nói dần dần cho Bồ-tát.

3. Thời gian: Kinh Hoa Nghiêm ban đầu nói nhất thừa, Pháp hoa cuối cùng nói rốt ráo.

4. Giáo môn: Giáo pháp Hoa Nghiêm nói thẳng nhất thừa đại đạo bình đẳng, không phá trừ bài bác. Kinh này (Pháp Hoa) phá cố chấp của người ba thừa, rồi sau mới được trở về nhất thừa cùng tột.

5. Chỗ khác nhau, kinh Hoa Nghiêm nói bảy chỗ tám gom, kinh Pháp Hoa nói một chỗ một gom.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa cũng có nhiều chỗ nhiều gom chăng? Đồng ở núi Linh-thứu nên chỉ có một chỗ nhưng y cứ trước sau kinh gồm có ba thời tịnh uest. Phần đầu kinh nói ở cõi uest, phẩm Hiện Bảo tháp đến hết phẩm Chúc lụy là phần thứ hai kinh nói ở cõi tịnh. Một phẩm Thân Lực lập chung cả mười phương thành một cõi nói ở cõi tịnh và cõi uest. Bắt đầu từ phẩm Dược Vương đến cuối phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát lại nói ở cõi uest.

Hỏi: Ba thứ nhất thừa theo kinh Pháp Hoa thì có mấy loại? Một thời Hoa Nghiêm là cõi gốc nhất thừa, từ sau kinh Hoa Nghiêm đến trước kinh Pháp Hoa là giáo pháp cành nhánh, kinh này thuộc về giáo pháp đưa nhánh về gốc. Nhưng kinh Pháp Hoa kết thúc giáo hóa một đời bao gồm đốn tiệm thì đầy đủ cả ba luân, nhưng ba luân này đều là trong không có danh tướng vì chúng sinh giả nói danh tướng, đạo vốn vắng lặng không hề có ba cũng đều là ba, không có chỗ y chỉ.

- *Bảy là*: Muốn giải thích hai điều nghi cho người Thanh văn và Bồ-tát nên nói kinh này. Thanh văn có hai thứ nghi:

Nghi xưa, như ngài Thân Tử chép: “Chúng con đồng vào pháp tánh, vì sao đức Như lai cứu độ bằng pháp Tiểu thừa, muốn hỏi Thế Tôn là mất, hay không mất, hơn bốn mươi năm thường ôm mối nghi này gọi là nghi xưa.

Như nói rằng ban đầu nghe lời Phật dạy trong tâm rất nghi sợ tức là nghi mới.

Nghi xưa của Bồ-tát: Thuở trước bảm thọ giáo pháp ba thừa đã chấp đạo lý có ba, hoặc nghi lui xuống địa Nhị thừa, hoặc nghi tinh tấn tu hành thành Phật đạo. Nghi hiện nay là nghi Phật nói pháp nay và xưa trái nhau. Thuở xưa nói có ba nay không nên nói có một, nay biện có một thì xưa không nên nói ba, hai người Tiểu thừa Đại thừa nghe nói kinh này cả hai mới nghi đều dứt. Phẩm Phương Tiện chép: Bồ-tát nghe pháp này lưới nghi đều đã dứt trừ, một ngàn hai trăm vị A-la-hán cũng sẽ được thành Phật.

Hỏi: Có văn nào chứng minh Thanh văn có nghi xưa nay, còn nghi xưa nay của Bồ-tát xuất xứ từ văn nào? Trong ba lần thỉnh của ngài Thân Tử chép: các Bồ-tát Cầu Phật số nhiều có tám muôn muốn nghe đạo đầy đủ, phải biết Bồ-tát cũng có nghi.

Hỏi: Tám muôn vị Đại sĩ đều là Bồ-tát pháp thân đâu thể có nghi này?

Đáp: Ngài Thân Tử thực hành phương tiện dắt dẫn người chân thật, Bồ-tát pháp thân phù hợp đồng với tâm học nên không có lỗi.

Hỏi: Điều nghi của Bồ-tát và Thanh văn có gì khác nhau?

Đáp: Người Thanh văn tự cho là rất ráo nghe chẳng phải rất ráo, vì vậy mà sinh tâm nghi, Bồ-tát không có điều nghi này mà chỉ có hai thứ nghi trên cho nên khác nhau. Hỏi: Giải thích nghi có lợi ích gì? Đáp: Nếu không giải thích điều nghi thì người Thanh văn không tinh tấn tu đạo Bồ-tát sẽ có đường lui sụt. Nay mở cửa Phương tiện chỉ bày tướng chân thật để giải thích nghi cho người Đại Tiểu thừa, thì Bồ-tát không có đường lui sụt, Thanh văn có sự tinh tấn tu đạo, do đó Phật nói kinh này có lợi ích rất lớn.

- *Tám là*: Muốn nói pháp Trung đạo nên nói kinh này. Vì sao biết? Vì Hai châu thuyết pháp ban đầu đều phát ra ánh sáng trắng giữa hai đầu chân mày, phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày trên không tới đánh dưới không tới chân tiêu biểu hai chu thuyết đều nói pháp Trung đạo. Châu đầu nói Nhất đạo thanh tịnh, nhất đạo thanh tịnh tức là Trung đạo. Châu kế nói một pháp thân, một pháp thân cũng là Trung đạo. Nhưng pháp thân lại không có hai, tùy theo nghĩa đặt tên, vì vậy biết hai chu đều nói Trung đạo.

Vì sao nói Trung đạo? Vì đạo không hề có một bên và chánh giữa, chỉ vì đối trị bệnh thiên lệch thuở xưa nên nói Trung đạo. Vì sao? Vì đức Như lai thuở xưa nói năm thừa vì làm rõ chẳng phải năm, đã không có năm cũng đều là năm thừa, bốn tánh tịch nhiên không chỗ nương tựa gọi là Trung đạo, Trung đạo tức là pháp mầu. Chỉ vì những

người thọ theo giáo pháp trước đây nghe Phật nói năm thừa bèn khởi kiến giải năm thừa khác nhau nên rơi vào các bên. Người bầm thọ thừa trời, người rơi vào bên sinh tử, người cầu thừa Thanh văn, Duyên giác rơi vào bên Niết-bàn. Người học Tam tạng giáo rơi vào bên tiểu, người học Đại thừa rơi vào bên đại, cho đến thuở xưa bầm thọ năm thừa khác nhau, rơi vào bên dị. Nay nghe nhất thừa kiến giải nhất thừa lại rơi vào bên nhất, nay muốn phá các bên này khiến tâm không có chỗ chấp trước, tức là kinh Diệu pháp Liên Hoa nên gọi là Trung đạo.

- *Chín là*: Muốn làm rõ Tam-muội niệm Phật cho các vị Bồ-tát nên nói kinh này. Vì từ trước đến nay không hề hiển đầy đủ thân chân thật, thân phương tiện. Phàm phu nhị thừa và Bồ-tát mới tu hành còn chưa biết Phật, cho nên không hiểu niệm Phật cũng không hiểu lễ Phật, chỉ vì người có tâm sở đắc niệm Phật, liền niệm có sở đắc rồi không niệm Phật chấp, có tâm sở đắc lễ Phật, đó là lễ có sở đắc cũng không lễ Phật. Không lễ không niệm thì Phật chẳng phải thầy họ, họ chẳng phải đệ tử Phật. Nay đã khai mở thân phương tiện thân chân thật mới hiểu lễ niệm, mới gọi là đệ tử của thầy.

Hỏi: Duyên xưa vì sao nói chưa biết Phật?

Đáp: Thuở xưa chấp tuy nhiều nhưng không ngoài ba thứ:

1. Không biết bốn một mà tích nhiều
2. Không biết bốn không sinh diệt ứng có sinh diệt.
3. Không biết Đức Thích-ca chứng pháp thân từ lâu xa chẳng phải mới thành Phật ở thành Già-da.

Vì đối trị ba bệnh này nên Phật chỉ dạy ba giáo môn:

1. Khấp nhóm hợp phân thân thị hiện bốn một tích nhiều, nói Phật Thích-ca và Phật cõi tịnh đều là ứng tích, chẳng phải tịnh uế này chính là pháp thân, vì vậy pháp thân không hai tích thân chẳng phải một. Nếu chấp ứng thân chẳng phải một, pháp thân không hai cũng chưa tránh khỏi hai kiến chấp. Có tâm sở đắc tức là bất động mà ứng hóa hiện tiền mười phương. Đã bất động mà ứng, tuy ứng mà thường vắng lặng, cho nên ứng thân này tức là pháp thân. Như kinh Niết-bàn chép thân hiện nay của ta là pháp thân thường vắng lặng mà ứng, vì không mất ứng thân nên không hai mà hai. Chia ra bốn tích là hai mà không hai, chưa khởi hai thân.

2. Là khai mở tháp và chia tòa sinh diệt làm rõ lẫn nhau. Đức Đa Bảo diệt đã bất diệt cho nên hiển rõ Đức Thích-ca. tuy sinh mà bất sinh, bất sinh không diệt gọi là pháp thân, phương tiện xướng diệt gọi là ứng dụng. Nếu lại nói pháp thân tự bất sinh bất diệt, ứng thân tự sinh diệt,

lại thành hai kiến chấp sinh diệt và không sinh diệt. Nay nói sinh trong cung vua, sinh mà không khởi, diệt nơi Song thọ, diệt mà không mất. Cho nên sinh diệt rõ ràng không hề khởi, diệt, sinh diệt rõ ràng cho nên ứng dụng, không hề khởi, diệt gọi là pháp thân.

3. Thành Phật từ quá khứ lâu xa, vị lai bất diệt gọi là pháp thân. Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký, thành đạo ở Già-da gọi là thân phương tiện.

Hỏi: Đức Thích-ca chứng pháp thân đã lâu, pháp thân có lâu mau chăng?

Đáp: Vì pháp thân không có lâu mau, nên biết ngộ cũng không có lâu mau, sở dĩ như vậy vì ngộ vốn ngộ nơi Pháp thân. Pháp thân đã không có lâu mau thì biết ngộ cũng không có nhanh chậm. Như vậy thì Đức Thích-ca ngộ từ lâu mà thật ra không lâu, nên biết nay ngộ mau cũng không có mau, ngộ lâu xa cũng không có lâu xa, biết lâu, mau không hai, không hai mà hai, không mất xưa nay.

Hỏi: Lý do gì chỉ nói ba nghĩa này? Chính ứng thân Đức Thích-ca phải đủ ba nghĩa này, ban đầu nói pháp thân không hai tích thân chẳng phải một, chưa biết thân không hai ấy là có sinh diệt hay không sinh diệt? Cho nên kế là nói pháp thân không sinh diệt, ứng thân có sinh diệt, tuy nói pháp thân không sinh diệt ứng thân có sinh diệt, mà chẳng biết Đức Thích-ca mới chứng pháp thân hay đã chứng pháp thân từ lâu rồi, vì vậy thứ ba là nói nghĩa lâu mau. Tất cả Chư Phật phần nhiều đầy đủ hai nghĩa trước, Đức Thích-ca thì có đủ ba nghĩa này.

Hỏi: Ba thân làm sao nói về quyền thật? Pháp thân chỉ có thật, chẳng phải quyền, hóa thân chỉ có quyền mà chẳng phải thật, ứng thân có hai nghĩa:

1. Bên trong tương ứng với pháp thân gọi là ứng thân. Pháp thân đã thường nên ứng thân cũng thường. Đây tức là ứng thân là thật chẳng phải quyền, Kinh Niết-bàn chép: Điều mà Chư Phật tôn làm bậc Thầy chính là pháp, vì pháp là thường nên Chư Phật, cũng thường.

2. Bên ngoài tương ứng với đại cơ ở cõi tịnh thành Phật nên gọi là ứng thân, vì vậy ứng thân là quyền chẳng phải thật. Kinh Kim Quang Minh quyển bảy chép: Hai thân ứng hóa, là giả danh có chẳng phải chân thật, niệm niệm sinh diệt nên gọi là vô thường, thì chứng minh được nghĩa ấy. Đã biết ba nghĩa thì biết Phật cho nên nay Tam-muội niệm Phật gấp bội lại tăng thêm lợi ích tại hợp cả ba thứ này dùng làm hai nghĩa. Hai nghĩa trước do nói thân quyền thật, một nghĩa sau là nói tuổi thọ quyền thật. Kinh Niết-bàn cũng nói sống lâu và thân Kim

cương sở dĩ chỉ nói hai thân này vì chúng sinh chỉ có thân hình và tuổi thọ, nay thuận theo cũng nói hai nghĩa này.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm nói thế nào là niệm Phật? Vì không nhớ, đã không nhớ làm sao niệm Phật?

Đáp: Rõ chúng sinh và Phật xưa nay không hai, tức không thấy Phật là sở niệm chúng sinh là năng niệm, các duyên trong ngoài đều quên, quán sát cả hai vắng lặng nên gọi là không nhớ. Hỏi: Trong kinh Đại phẩm có thể có văn này, kinh này chỗ nào nói về pháp niệm Phật này? Theo phẩm Thọ Lượng thì Đức Như lai thấy biết như thật tướng trong ba cõi, không có sinh tử hoặc thoái hoặc xuất, cũng không có tại thế và diệt độ, chẳng thật chẳng hư chẳng như chẳng khác, không như ba cõi mà thấy ba cõi. Ba cõi tức là chúng sinh, vì vậy biết chúng sinh và Phật không hai, đâu có nghĩa năng niệm sở niệm! Trung Luận thì nói sinh tử Niết-bàn không có hai bờ, nghĩa chúng sinh pháp thân cũng như vậy, đây chính là đại tông kinh luận quyết phải y theo đây, mà lễ thật niệm Phật.

- *Mười là*: Muốn vì chúng sinh trong mười phương hiện tại và vị lai phân biệt đúng như thật tội phước quả báo nên nói kinh này. Như khi nói ra một lời chê bai pháp và chê bai người trì kinh thì mắc tội báo rất lớn, một niệm tùy hỷ thì được phước vô biên. Vì sao? Vì hễ nói về tội phước là từ sự trái nghịch mà phù hợp với lý sinh. Kinh này đã nói thật lý, cho nên tin thì phước nhiều chê bai thì tội nặng. Một bốn số xưa nói nhân duyên kinh này rất rộng nay chỉ lược mười môn.

II. Môn thứ hai nói về môn Tông chỉ: Từ xưa đến nay nói tông chỉ và thể, hoặc nói đồng hoặc nói khác. Nói khác là dùng giáo làm thể lấy lý làm tông, nên kinh Niết-bàn có văn giải thích bảy điều thiện là biết pháp biết nghĩa: Biết pháp là biết mười hai bộ kinh, biết nghĩa là biết lý mà giáo biểu hiện, nên dùng giáo năng biểu làm thể của kinh, lý sở biểu dùng làm tông của kinh. Nói tông thể là một, lý sở biểu đã là tông chỉ, văn năng thuyết lại giải thích về tông chỉ, nên tông thể không hai. Nay nói đồng và dị tùy thời dùng, mục đích là đặc ngộ nghĩa không nhất định. Thuở xưa gom tụ biên soạn giải thích tông chỉ kinh Pháp Hoa có mười ba nhà, nay nói lược tức ở thế gian thịnh hành có ba thuyết:

1. Dùng nhân của muôn điều thiện làm tông của kinh này, sở dĩ như vậy là vì văn kinh này tuy có bảy điều cốt yếu mà tông chỉ về nhất thừa, nhất thừa tức là nhân, cho nên thừa lấy vận chuyển làm nghĩa, người vận chuyển thực hành từ nhân đến quả, đến quả thì lại không tiến tới, quả đây chẳng phải thừa. Như kinh Đại phẩm chép: thừa này từ

ba cõi ra đến trụ trong Tát bà nhã. Theo Luận Trí Độ giải thích lời này chép: Thừa đến Bồ đề đổi tên thành chủng trí, nên biết thừa làm nhân. Kinh Thắng-man chép: Trên quả Phật càng không nói pháp sự nhất thừa thì biết quả chẳng phải thừa.

Hỏi: Kinh này phần đầu nói về nhân môn, sau nói về quả môn. Vì sao chỉ dùng nhân thừa làm tông?

Đáp: Chương sau nói quả để thành tựu nhân trước, do nhân thực hành nhất thừa được quả thọ lượng nên nói quả thành tựu nhân dùng nhân làm tông.

2. Có người chép: Kinh này dùng quả làm tông, sở dĩ như vậy vì muốn biết tông kinh nên xem đề kinh. Đề kinh chép: Pháp mầu nghĩa là Như lai dùng linh trí làm thể, các chất cặn bã bị đào thải bụi trần này đều sạch hết gọi diệu, động vì vật làm thành phép tắc nên gọi là pháp. Từ vị nhân đến nay thô pháp chưa cùng tận không được gọi là diệu, đã dùng quả đức làm pháp mầu, tức là dùng quả đức làm tông kinh, do đó Đức Thích-ca dùng huyền âm ban đầu khen ngợi Phật trí rất sâu xa, Đức Đa Bảo khen ngợi thiện xưng đại tuệ bình đẳng tức là chứng minh nghĩa ấy.

3. Có người nói kinh này dùng cả nhân quả nhất thừa làm tông, cho nên phần đầu nói rõ về nhân nhất thừa, chương sau nói về quả nhất thừa, mượn hoa sen làm dụ, hoa này không có thì thôi, hễ có thì hoa và hạt đều có chung, kinh này không nói thì thôi, nói thì có nhân quả đều bàn.

Hỏi: Nay điều được nói là giống với xưa hay khác với xưa?

Đáp: Nay xét chung kinh luận, nên chia làm bốn câu không đồng: Một là phá mà không chấp, hai là chấp mà không phá, ba là vừa chấp vừa phá, và bốn là không chấp không phá. Nói phá mà không chấp nay không đồng với xưa cũng không khác xưa, sở dĩ như vậy, vì tìm câu nghĩa trên không thành hoặc không thể đồng với kia, hoặc không thể khác với kia. Tìm các nghĩa trên đã không thể được, thì luận cái gì là đồng khác?

Hỏi: Thế nào là tìm nghĩa trên không thành?

Đáp: Nay dùng ba ý để suy ra, thì biết nghĩa trước kia liền mất.

1. Nhiếp chung ba sư không đưa ra nhân quả mà chánh quán luận phần lớn phá nhân quả của mười nhà cho nên tất cả nhân quả không thành. Nay lược nêu vài môn để chỉ bày tướng không thành: Ba sư đã dùng muôn điều thiện làm nhân, thọ lượng làm quả, làm nhân muôn hạnh bên trong có quả thọ lượng hay không? Nếu có quả thọ lượng thì

nhân không có khả năng sinh quả, quả không đáp lại dụng của nhân. Nếu nhân của muôn hạnh không có quả thọ lượng, thì dù tu muôn hạnh nhưng cuối cùng không sinh quả. Nếu nhân muôn hạnh không có quả mà sinh quả thì muôn điều ác cũng không có quả Phật và cũng nên sinh quả Phật!

Kinh Đại Phẩm chép: Nếu nói trong nhân có quả, trong nhân không có quả vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không, người như vậy tức là chê bai Phật pháp tăng hệ thuộc cảnh ma là quyền thuộc của ma, đâu phải là nghĩa nhất thừa nhân quả? Còn trong nhân có quả, trong nhân không có quả, vừa có vừa không chẳng phải có chẳng phải không, có là Tăng-khư Vệ-thế Sư, Cần Sa Bà, Nhã đề tử ngoại đạo chẳng phải Phật pháp. Lại nữa, tu muôn hạnh làm nhân, thọ lượng làm quả, nhân của muôn hạnh là đối đãi với quả khởi mà diệt hay không đối đãi với quả mà diệt? Nếu đối đãi với quả khởi mà diệt thì gọi là thường, nếu không đối đãi với quả khởi mà diệt thì gọi là đoạn, đã là đoạn thường thì không thành nhân quả, làm sao mà thành tông của kinh này? Đã là đoạn thường thì chướng nhất thừa pháp mầu, sao dùng pháp chướng ngại làm tông! Lại, nếu nói một niệm thiện nối tiếp đến thành quả Phật thì niệm diệt rồi mà tiếp tục hay không diệt mà tiếp tục? Nếu niệm diệt rồi mà có tiếp tục thì có năng (chủ thể) tiếp tục, không có sở (khách thể) tiếp tục. Nếu niệm không diệt mà tiếp tục thì có sở tiếp tục mà không có năng tiếp tục, vậy làm sao liên tục đến khi thành quả Phật được! Dùng kinh luận để suy ra điều này đều không có nhân quả này thì cùng với cái gì là đồng khác!

2. Nếu có nhân quả này, kia liền cho rằng đạo lý có nhân quả này thì thành có sở đắc. Kinh chép: “Có sở đắc thì không có đạo, không có quả” lấy gì làm tông? Lại có sở đắc kinh nói bất động bất xuất đều chẳng phải nghĩa thừa, làm sao dùng làm tông kinh! Kinh Niết-bàn nói có sở đắc gọi là vô minh, đâu thể dùng vô minh làm bình đẳng đại tuệ tông kinh sao? Có sở đắc gọi là hai mươi lăm cõi, vì sao dùng hai mươi lăm cõi làm tông của các đức kinh.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm và kinh Niết-bàn tự có thể luận có đắc không đắc, theo kinh Pháp Hoa thì chỉ cúi đầu, chấp tay làm một việc thiện nhỏ thấy đều thành Phật đạo. Đâu thể chọn thiện có sở đắc chẳng phải nhất thừa? Đắc và vô đắc vì là chỉ quy của các kinh, sâu xa của pháp quán bậc Thánh, nói về cội gốc của đắc thất là chỉ bày thiên chánh của Phật giáo, há Kinh Pháp hoa này không bao gồm! Lại tức là văn kinh này tự nói đắc và vô đắc. Nay văn lược nêu ba đoạn trong kinh chép:

1. Khai tông tức nói “Ta dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sinh khiến lìa các chấp trước.”

2. Sau phần lưu thông ngài Phú lâu na khen ngợi Phật: Lạ thay! Đức Thế tôn dùng trí tuệ phương tiện nhổ sạch các tham đắm cho chúng sinh.” Các thứ tham đắm là chấp tiểu chấp đại chấp ba chấp một, cho nên biết kinh này chính nói về vô sở đắc. Lại nói đầy đủ về nghĩa vắng lặng. Như chếp: Pháp ấy không thể chỉ bày tướng ngôn từ vắng lặng; các pháp từ xưa tới nay tướng thường tự vắng lặng. Tướng vắng lặng tức là tên khác của thật tướng vô đắc. Không nên nói kinh này nói có sở đắc.

3. Tức là dùng văn kinh này để trách, nếu nói thừa là nhân thì nghĩa đó không đúng. Nay giảng Pháp Hoa nên dùng Pháp Hoa làm chứng, kinh Pháp Hoa nói ba xe một xe đều là quả. Phẩm Thí Dụ chếp: “Nay ba xe đều để ở ngoài cửa” tức là quả đức ngoài ba cõi làm xe, nên văn dưới hợp thí chếp: Đều dùng quả đức, nêu Niết-bàn hợp với xe dê, nêu trí tuệ tự nhiên hợp với xe hươu, nêu quả Phật bốn trí đức hợp với xe trâu, nêu quả đức đại Niết-bàn hợp với xe lớn. Vì vậy chếp: Đều dùng Như lai diệt độ mà diệt độ.” Lại nêu các đức của quả Phật để hợp đại xa nên nói cùng giải thoát của Chư Phật gọi là đồng ban cho xe lớn; tức biết ba xe một xe đều là quả thừa chẳng phải nhân thừa. Kinh này gọi là pháp mẫu, pháp mẫu là quả Phật, đức không gì chẳng đầy đủ, lụy không gì chẳng hết, cho nên gọi là diệu. Nhân đức chưa đầy, lụy vẫn chưa hết thì không gọi là Diệu, thế nên dùng quả làm chánh tông, nhân chẳng phải chánh tông.

Kế đến phá thứ hai: Nếu chỉ dùng quả Phật làm thừa thì đây cũng không đúng. Các con cầu xin xe Phật liền ban cho xe, các con được xe tức là các con đắc quả. Do đó nói thừa là xe báu thẳng đến đạo tràng, tức là biết dùng nhân làm thừa đâu chẳng phải là thừa? Lại kinh Đại phẩm... đều nói thừa là nghĩa nhân, đâu được riêng dùng quả làm thừa? Kế là phá thuyết thứ ba nhân quả làm tông là cũng không đúng. Kinh này từ đầu đến trước sau bàn quả đức rất nhiều, nay dẫn chứng sơ lược ba điều:

1. Khai tông nói lược khen trí tuệ Phật rất sâu

2. Nói rộng về mở bày tri kiến Phật

3. Đức Đa bảo chứng minh khen ngợi đại tuệ bình đẳng. Nên biết phần đầu từ đầu đến cuối đều bàn nhiều về quả đức chẳng phải nói nhân. Do các nghĩa này mà tìm lời giải thích của ba nhà trên đều không thành, cho nên không thể cùng họ có đồng và khác.

Vì sao trước phải phá các chấp trước tiên? Nếu có nhân quả đồng thấy tức là có sở đắc, có sở đắc gọi là Thủ không gọi là Diệu, có sở đắc gọi là phi pháp không gọi là pháp. Có sở đắc tức là bất tịnh đắm nhiễm chẳng phải hoa sen. Nay dứt các chấp nhân quả là vô sở đắc, vô sở đắc gọi là diệu Pháp Liên Hoa cho nên là tông kinh.

Hỏi: Làm sao biết được dứt kiến chấp có sở đắc tức là “Diệu Pháp Liên Hoa”?

Đáp: Nay lược dẫn chứng ba điều:

1. Luận Chánh quán chép: từ phẩm nhân duyên đến đây suy tìm các pháp hữu cũng không, vô cũng không, vừa hữu vừa vô cũng không, chẳng phải có chẳng phải vô cũng không gọi là như pháp tánh thật tế Niết-bàn. Cho nên biết cầu nhân quả có sở đắc không thể được tức là pháp mâu.

2. Luận Pháp Hoa giải thích phẩm Phương Tiện rằng: “Ta dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sinh giúp họ lìa bỏ các chấp trước, chấp trước có bốn thứ: Một là chấp trước giới nghĩa là mê đắm ba cõi, hai là chấp trước địa nghĩa là địa cõi Dục, cho đến địa diệt tận định, ba là phần chấp đắm nghĩa là tại gia chấp trước năm dục, xuất gia chấp đắm danh lợi, bốn là chấp trước thừa nghĩa là mê đắm Tiểu thừa, mê đắm Đại thừa. Cho nên biết có sở trước không gọi là Diệu pháp, vô sở trước tức là tông kinh.

3. Bài tựa Bách luận của ngài Tăng Triệu chép: Vắng vẻ vậy mà không gửi gắm vào lý, tự thể khéo gom, thản nhiên chẳng y cứ nơi sự mà chẳng mất chân, sự biến đổi của đạo gốc mê đắm ở đây, nên biết tâm vô sở đắc tức là pháp mâu làm tông kinh này.

Thứ hai chấp lấy mà không phá: Phải phá sạch tâm chấp đoạn thường có sở đắc từ trước nay rốt ráo không còn sót, rồi mới nói được. Phật dùng phương tiện nhân duyên giả danh. Nếu chúng sinh đáng nghe nhân làm tông được ngộ thì nói nhân, cho họ nghe, đáng nghe quả làm tông được ngộ thì nói quả, cho họ nghe, đáng nghe cả nhân lẫn quả làm tông được ngộ thì nói nhân quả cho họ nghe. Chư Phật Bồ-tát Ba đời, nói kinh soạn luận mục đích là lấy chúng sinh đắc ngộ làm chánh tông chứ giáo pháp không nhất định. Làm sao biết như vậy? Dẫn sáu chứng cứ:

1. Văn kinh-thù vấn chép: Mười tám bộ luận và hai bốn đều từ kinh đại thừa lưu xuất, không có đúng cũng không sai, ta nói chưa từng có khởi.

2. Theo kinh Đại Tập thì dù có năm bộ không đồng n đều không

ngăn ngại pháp giới và Đại Niết-bàn của Như lai.

3. Theo luận Nhiếp đại thừa thì Chư Phật chỉ lấy sự lợi ích làm nhất định nên giáo pháp không nhất định.

4. Theo luận Trí Độ thì sáu nhà giải thích, luận chủ Bát nhã không phán xét đúng sai, do đều lưu xuất ra từ kim khẩu của Phật đều có thể khai đạo thường lợi ích cho chúng sinh, đều là chánh kinh.

5. Trung luận phẩm Quán pháp trong chép: “Các pháp không có tướng quyết định, Chư Phật có vô lượng phương tiện. Hoặc nói tất cả thật hoặc nói tất cả không thật, cũng thật cũng chẳng thật, chẳng thật chẳng phải chẳng thật, bốn câu thấy đều được đạo, đều là Phật pháp.

6. Tam Tạng Cầu Na Bạc na có để lại văn kệ :

*“Các luận có nhiều mối
Lý Tu hành không hai
Thiên chấp có đúng sai
Người đạt không tranh luận”*

Cho nên biết hợp duyên thích nghi giáo không có nhất định.

Thứ ba vừa lập vừa phá, ba thứ như nhân quả tuy xuất xứ từ văn kinh nhưng chẳng phải y chánh, cho nên phải phá. Nói lập tức nay một phen đối với ba sư đã nói, kinh này dùng Trung đạo phi nhân quả làm thể, nhân quả v.v... là đại dụng của kinh. Hỏi: Nhân quả đồng là dụng, chẳng phải nhân quả là thể, điều này xuất xứ từ văn nào? Đáp: Theo phẩm Phương Tiện chép: Nghĩa chửng chửng tánh tướng và quả báo lớn như vậy, kệ tụng này nói pháp nhân quả trước. Bài kệ kế là nói pháp không thể chỉ bày tướng ngôn từ vắng lặng, tức nói nghĩa chẳng phải nhân quả, nên biết dùng phi nhân quả làm thể, nhân quả v.v.. là dụng. Nhân quả phi nhân quả đã như thế, thì ba, một, gần, xa, quyền thật cũng như vậy. Chẳng phải ba chẳng phải một làm thể, ba-một làm dụng, chẳng gần chẳng xa làm thể, gần xa làm dụng, chẳng phải quyền chẳng phải thật làm thể, quyền thật làm dụng. Nhưng nghĩa ở các sư khác chỉ được dụng của kinh mà không biết thể của kinh, đã không được thể làm sao nói được dụng? Nếu được dụng thì nghĩa dụng không thành, hoặc chấp nhân là thừa thì bác bỏ quả, chấp quả là thừa thì phá nhân, chấp cả nhân lẫn quả thì mất dụng cả nhân quả. Mà kinh này trước sau đầy đủ bốn câu nói về nghĩa thừa:

1. Nhân thừa chẳng phải quả thừa tức là các con nương xe bầu này mà thẳng đến đạo tràng.

2. Quả thừa chẳng phải nhân thừa cho nên nói Phật tự trụ đại thừa như pháp sở đắc định tuệ lực trang nghiêm dùng đây độ chúng sinh.

3. Dụng cả nhân quả làm thừa tức bao gồm cả hai câu trước.

4. Phi nhân phi quả làm thừa nghĩa là pháp không thể chỉ bày, tướng ngôn từ vắng lặng.

Hỏi: Thừa là nghĩa vận chuyển lưu xuất, chẳng phải nhân chẳng phải thể nào là thừa?

Đáp: Vì nói phi nhân phi quả khiến chúng sinh ra khỏi bốn câu vượt ngoài bách phi, nên gọi là có nghĩa chân thật vận chuyển lưu xuất. Lại kinh nói Phật tánh có năm tên; trong năm tên đó có tên gọi là nhất thừa, mà kinh đã nói Phật tánh phi nhân quả, nhất thừa há không được phi nhân quả hay sao! Tuy có ba câu, bốn câu làm dụng của Đại thừa, mà câu thứ tư là thể của thừa. Cho nên nói ba câu trên là về phi nhân phi quả, câu thứ tư cũng do phi nhân phi quả nên có nhân quả đồng dụng.

Hỏi: Các vị xưa ai dùng phi nhân phi quả làm thể của kinh? Chú giải kinh Pháp Hoa tìm tòi tra cứu có tám sư: Giang Tả có An, Lâm, Nhất, Viễn, Hà Hữu Thập, Triệu, Dung, Hằng, tám vị chủ yếu giảng nói và biên soạn bài tựa kinh. Vì vậy nói ra khỏi nhà lửa cầu xin xe đò có tiểu, đò có đại; diệt hóa thành đến đảo châu báu ai gần ai xa. Giáo pháp tiêu biểu ngưng tụ nơi ba-một, quả mâu nhiệm vượt ngoài thân tượng sáu!

Thứ tư chẳng phá chẳng lập nhưng thật ra không hề có nghĩa ba nhà đáng phá, cũng không hề có nghĩa hiện nay đáng thành lập. Nếu có phá hữu thì lập tức có thể dùng ngôn ngữ diễn bày, sao gọi là tướng các pháp vắng lặng không thể dùng ngôn thuyết! Luận Niết-bàn của ngài Tăng Triệu chép: Ngài Tu bồ đề không nói mà làm rõ đạo, Thích Phạm bật nghe mà mưa hoa. Đức Thích-ca đóng thất ở Ma-kiệt-đề, ngài Tịnh Danh ngâm miệng ở Tỳ-gia-ly. Cho nên im lặng đâu thể nói không biện luận ư! Nói chỗ không thể nói tức là tướng ngôn từ vắng lặng của kinh Pháp Hoa, vắng lặng đâu có phá lập mà được tồn tại ư? Nếu có thể như thế mà chiếu soi thấu đạt thì đó là tông chỉ của kinh Pháp Hoa. Bốn câu này cũng là đại tông của kinh luận, là diệu thuật khai đạo trừ bệnh, quyết phải tìm tòi để thông suốt các nghĩa.

III. Môn thứ ba là giải thích đề mục kinh lại chia làm bảy ý:

1. Ý nghĩa của sự đặt tên
2. Đặt tên khác nhau
3. Chuyển, bất chuyển
4. Đầy đủ nghĩa nhiều và ít
5. Trước sau

6. Phiên dịch

7. Giải thích tên gọi

1. *Ý nghĩa đặt tên*: Kinh Niết-bàn nói Đê La Bà Di thật ra không ăn dầu mà gượng gọi là ăn dầu. Niết-bàn cũng vậy, thật không có danh tướng mà gượng nói có danh tướng, Niết-bàn là tên khác của Pháp Hoa. Niết-bàn đã không có danh tướng gượng nói danh tướng, Pháp Hoa cũng không có danh tướng gượng nói có danh tướng. Sở dĩ gượng nói danh tướng, vì muốn cho chúng sinh nhờ danh để ngộ lý nhờ lý khởi tu hành nương tu hành được giải thoát.

2. *Đặt tên không đồng*: Các kinh hoặc Phật tự đặt tên, hoặc đợi đệ tử hỏi rồi mới đặt tên, hoặc trong phẩm tựa trước đầu đề đặt tên, hoặc trong lúc đang thuyết mới bắt đầu đặt tên, hoặc hễ nói bất cứ một nghĩa nào liền đặt tên, hoặc nói xong một bộ kinh sau cùng mới đặt tên, hoặc trong một bộ kinh chỉ nêu một đề mục, hoặc trong một bộ kinh đặt nhiều tên, hoặc có nhiều bộ kinh mà chỉ đặt một tên, hoặc có một bộ kinh không đặt tên riêng. Đặt tên không đồng lược có năm cặp mười nghĩa, được trình bày đầy đủ như kinh Tịnh Danh huyền nghĩa. Hiện nay kinh Pháp Hoa trong lúc Phật đang nói pháp tự đặt tên, nếu y theo Phật thì kinh chỉ lập đặt tên, hoặc theo luận Pháp Hoa nói một bộ trước, sau có mười bảy tên như kia đã nói đầy đủ.

3. *Chuyển và không chuyển*: Tất cả kinh Phật đặt tên có hai dạng. Một là tên kinh xưa nay không chuyển đổi. Hai là tùy Phật xuất thế mà tên có sự thay đổi. Như kinh Niết-bàn chép: hoặc gọi là Pháp cảnh, hoặc gọi Cam lồ, Cổ... Kinh Pháp Hoa hiện nay trong hai thứ đó là tên xưa nay không chuyển đổi. Cho nên Phật Đại Thông Trí Thắng, đức Oai Âm Vương, hai muôn đức Nhật Nguyệt Đăng Minh và Đức Thích-ca đã nói đều gọi là Diệu pháp Liên Hoa. sở dĩ có chuyển không chuyển, vì tùy nghi không đồng, hợp thời mà nói.

4. *Đầy đủ nghĩa nhiều ít*: Các kinh đặt tên nhiều ít không nhất định, hoặc một nghĩa đặt tên, hoặc hai nghĩa đặt tên, hoặc ba nghĩa nêu tên. Một nghĩa đặt tên là hoặc chỉ người chỉ pháp, chỉ xứ, chỉ thời, chỉ sự, chỉ dụ. Chỉ người như loại Đề-bà-đạt-đa... chỉ pháp như kinh Niết-bàn, chỉ xứ như kinh “Lăng già”, Hán dịch là Độ xứ. Chỉ thời tức Kinh thời phi thời, chỉ sự nghĩa là kinh “cây khô”, chỉ dụ là kinh “Kim Quang Minh”. Hai nghĩa đặt tên hoặc nêu cả pháp và dụ như “Diệu pháp Liên Hoa, hoặc nêu cả người pháp như kinh “Duy ma cật Bát Tư Nghị Giải Thoát”. Ba nghĩa đặt tên như kinh “Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện”, Thắng-man là tên người, Sư tử hống là tên dụ, nhất

thừa đại phương tiện là tên pháp.

5. *Trước và sau*: Theo bốn tiếng Phạm ở Thiên Trúc thì trước đều không có đề mục, chỉ nói là Tát-đàm, Hán dịch là Hảo pháp cũng gọi là Thành tựu, đặt tên đều ở cuối kinh. Mà sau này để ở đầu Kinh vì người dịch kinh theo pháp nước Chấn Đán (Trung Quốc). Vì muốn do danh tự không đồng mà biết được bộ loại khác nhau.

6. *Phiên dịch*: Theo bản tiếng Phạm là Tát Đạt Ma Phân Đà lợi Tu-đa-la, còn ngài Trúc Pháp-hộ dịch Tát là Chánh, nên gọi là Kinh Chánh Pháp Hoa. Theo ngài La-thập đời Tấn dịch chữ Tát là diệu nên gọi là kinh Diệu pháp Liên Hoa. Theo ngài Kinh Sơn Tuệ Viễn dùng hai nghĩa trước lại thêm hai tên là Chân pháp, Hảo pháp. Nay cho rằng đề mục ở Thiên Trúc bao gồm đủ các nghĩa, người dịch kinh theo đó chọn lấy một nghĩa, cho nên mỗi người dịch đều có khác.

Nói đầy đủ bao gồm nhiều nghĩa nhưng chỗ hành đạo của Chư Phật không hề có tà chánh, vì đối trị hai tà nội ngoại nên đặt tên là Chánh.

a) Chín mươi sáu pháp ngoại đạo nói gọi là tà, pháp Như lai nói là chánh. Cho nên đối tà của dị đạo kia mà gọi Phật đạo là chánh.

b) Xưa kia chấp năm thừa khác nhau trái với nhất đạo gọi là tà, Vì sao? Vì đạo còn chẳng có hai, đâu được có năm nên chấp năm khác nhau trái với nhất đạo gọi là tà. Do đối hai tà kia nên nói chỗ hành đạo của Phật gọi là chánh pháp. Nói Pháp mầu là đạo tu hành của Chư Phật không hề có thô diệu, vì đối hai thô nên ngợi khen là diệu. Một là pháp của ngoại đạo nói có danh tự mà không có ý nghĩa là pháp kém cõi cạn cợt gọi là thô. Còn pháp xuất thế có văn tự có ý nghĩa gọi là diệu. Hai là đối với thô của năm thừa nên khen Phật thừa là diệu. Năm thừa là nói về phương tiện nên xưng là thô, nhất thừa là pháp chân thật gọi là diệu. Chân pháp cũng có hai nghĩa: một là pháp của ngoại đạo gọi là ngụy, sở hành của Chư Phật gọi là chân như. Kinh Niết-bàn chép: Những điều lường dối đối trá của ngoại đạo gọi là không có chân đế nên nói Phật pháp có chân đế. Đối với ngụy của năm thừa nên nói chân của nhất thừa. Phẩm Phương tiện chép: “Chỉ có một sự thật này ngoài ra có hai thì chẳng phải chân,” hai còn chẳng phải chân huống chi năm thừa mà thật có sao? Nói hảo pháp (pháp lành tốt) cũng có hai: Một là đối với ngoại đạo tà kiến gọi là ác pháp, pháp chánh kiến của Phật gọi là hảo pháp. Kinh Niết-bàn chép: Người cầu Nhị thừa gọi là bất thiện, người cầu đại thừa gọi là thiện, thiện tức là hảo pháp.

Hỏi: nhất thừa giáo khởi chỉ nên đối với năm thừa kia sao cũng

đối ngoại đạo ư?

Đáp: Vì Niết-bàn giáo chính là bài xích ba vị Tỳ kheo tu mà lại chọn ngoại đạo, ngoại đạo không có chân đế và trộm lấy lý thường hằng của Phật. Nay nói Phật pháp là diệu há không đối ngoại đạo chẳng phải diệu và thô của năm thừa sao?

Hỏi: Đã đầy đủ bốn tên, vì sao riêng gọi là diệu?

Đáp: Có ba nghĩa: Một là kinh có văn nói diệu mà không gọi là chánh, như nói pháp ta mầu nhiệm khó nghĩ bàn, là thừa mầu nhiệm thanh tịnh bậc nhất tức là chứng minh điều đó! Hai là diệu có nghĩa tinh khiết mầu nhiệm sâu xa nên đặt tên là diệu. Lại do pháp mầu nhiệm của ta phàm phu Nhị thừa và người mới hành Bồ-tát không thể suy lường được. Nếu nói rằng pháp của ta chân chánh khó suy nghĩ nghĩa lý thì cách nói không khéo léo đối với nghĩa không tiện lợi. Ba là căn cứ nơi nghĩa suy luận, phàm chánh đối hình cong mà nhận tên, diệu do đối thô được tên, thích hợp cho chín mươi sáu pháp là tà, pháp năm thừa của Như lai là chánh, do đó chánh tại pháp năm thừa. Năm thừa tuy chánh, chánh mà còn thô, chỉ có pháp nhất thừa mới gọi là diệu, cho nên diệu chủ yếu nói nghĩa nhất. Không được nói ngoại đạo là thô năm thừa là diệu, cũng không được nói rằng năm thừa là tà nhất thừa là chánh. Pháp ngoại đạo, pháp Phật cũng như ngọc và đá, năm thừa nhất thừa đồng đều là ngọc, nhưng ngọc có tinh và thô, vì thế năm thừa là thô, nhất thừa là diệu.

7. *Giải thích tên:* Nay giải pháp của Đạt ma thì giải thích nghĩa diệu, văn kinh này tuy có bảy trục chính mà tông về nhất thừa, nên pháp nhất thừa là diệu. Phẩm Thí dụ nói Thừa ấy mầu nhiệm thanh tịnh bậc nhất, ở thế gian không thừa nào hơn” bài kệ này đối với thô của bốn thừa khen Phật thừa là diệu, nửa bài kệ trên đối với thô Nhị thừa khen Phật thừa là diệu, nửa bài kệ dưới đối với thô của thừa trời, người khen Phật thừa là diệu, thừa này gọi là Phật thừa, thanh tịnh mầu nhiệm là khen Phật thừa. Do đức đều viên mãn gọi là mầu nhiệm, hệ lụy đều hết sạch gọi là thanh tịnh. Luận về lụy tức còn gọi là thô, đối với thô đã hết thì các đức đều đầy đủ, lụy hết đức đầy đủ gọi là diệu. Lụy đều hết sạch không thể là có, đức đều đầy đủ không thể nói không, chẳng có chẳng không là pháp Trung đạo nên gọi là diệu, đồng với nghĩa không và bất không trong kinh Đại Niết-bàn. Do không nên chẳng có hai mươi lăm cõi, chẳng thể nói có, có-thường-lạc-ngã-tịnh chẳng thể nói không, nhất thừa và Đại Niết-bàn không khác nhau.

Phẩm Thí dụ chép: Đại Niết-bàn hợp cả xe lớn, rằng: “Không

để cho có người được diệt độ riêng đều dùng diệt độ của Như lai mà diệt độ” cho người đó tức chứng minh được điều đó. Phẩm Phương tiện chép: “Chỉ có một Phật thừa ngoài ra không có thừa nào khác hoặc hai hoặc ba. Tức biết gọi nhất thừa là đối với hai thừa, ba thừa mà nói. Do Nhị thừa lụy còn chưa hết đức vẫn chưa viên, nghe kinh Niết-bàn nói người Nhị thừa chỉ thấy không mà chẳng thấy bất không, cho nên không thực hành Trung đạo không được gọi là bậc nhất.

Chư Phật Như lai đức không gì chẳng viên mãn, lụy đều đã hết, thấy đầy đủ nghĩa không và bất không, thực hành Trung đạo nên gọi là bậc nhất. Đối với thế gian không thừa nào hơn, trời, người là thế gian, thừa thế gian thì chẳng phải diệu, vì vậy nói với thế gian chẳng có thừa nào hơn. Giải thích chung bài kệ đã xong, nay kể giải thích riêng văn kệ.

Gây ra mười nghiệp ác, quả báo chiêu cảm trong ba đường gọi là thô, giữ năm giới được phước báo làm người tức nhân thừa là diệu. Nhân thừa vui ít khổ nhiều gọi là thô, mười điều thiện cảm được thân cõi trời vì khổ ít vui nhiều nên thiên thừa là diệu. Trời, người chưa tránh khỏi sinh già bệnh chết nên gọi là thô. Thanh văn thừa được ra khỏi ba cõi nên gọi là diệu, Thanh văn phước ít độn căn gọi là thô, Duyên giác phước dày lợi căn gọi là diệu, Thanh văn Duyên giác lụy còn chưa hết đức vẫn chưa viên nên gọi là thô, chỉ có Phật thừa đức đều viên mãn tất cả lụy đều sạch nên gọi là diệu.

Hỏi: Nay nói nhất thừa là diệu khác với xưa ở chỗ nào?

Đáp: Giải thích kinh này có ba thuyết:

1. Kinh này tuy nói về nhân nhất thừa vẫn còn cảm quả vô thường, do đó văn kinh chép: “Quá khứ số kiếp như cát bụi vị lai lại gấp bội số trên.” Phẩm Dược thảo Dụ chép: “Rốt ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng cuối cùng trở về Không; tức cuối cùng khô thân diệt trí nhập vô dư Niết-bàn, cho nên vẫn còn vô thường, đến Đại Niết-bàn mới nói rõ nghĩa thường trụ. Đã là vô thường thì lẽ ra là thô. Nhưng đối với các kinh trước chưa nói về quá khứ, nhiều hơn cát bụi, vị lai lại gấp bội số trên, do đó khen kinh này là diệu. Nếu so với Niết-bàn giáo thì vẫn là thô.

2. Giải thích kinh này đã biện nghĩa thường vẫn chưa được rõ ràng, chỉ là che tướng nói thường. Vì sao? Vì kinh này chưa trừ tám đảo không nói bốn đức, chỉ nói tuổi thọ vô cùng nên là che tướng nói thường, đến giáo Niết-bàn mới hiển rõ nói về thường.

3. Từ giáo tiểu thừa thì nói vô thường che tướng thuyết, tất cả kinh điển Đại thừa đều là thường trụ hiển rõ vô dư. Nay bình luận chung ba

thuyết này, ban đầu giải thích hàng hạ căn, kế là giải thích người trung căn, ba giải thích người thượng căn. Vì sao? Vì giải thích đầu là chê pháp quá sâu nên là hạng hạ căn, giải thích kế là bác bỏ tiểu thừa, bình phẩm nhẹ gọi là hạng trung căn, sau mới nói rốt ráo mà cố chấp thành mê nên gọi là người thượng căn, ở đâu đều y theo có sở đắc tự chai ra ba phẩm vị.

Hỏi: Ban đầu giải thích vì sao nói chê pháp quá cao xa?

Nay dùng văn bốn chỗ để trình bày, thì biết chê pháp quá sâu xa. Một là dùng giáo pháp trước kinh Pháp Hoa là khó, hai là dùng chánh văn kinh Pháp Hoa để trách, ba là theo các thuyết cũ của Quan Hà, bốn là dùng nghĩa suy ra là khó. Giáo pháp trước kinh Pháp Hoa. Các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa, Bát-nhã và Tịnh Danh, Phẩm Thường Đề trong kinh Đại Phẩm chép: “Sắc thân của Chư Phật có khứ lai còn pháp thân không có khứ lai.”

Theo luận Kim cương Bát-nhã nói thể của ba thân khác nhau nên lìa ba thân gọi là Như lai, nên biết Như lai chẳng phải pháp hữu vi, thân tức là thường trụ. Theo phẩm Phương Tiện trong Kinh Tịnh Danh chép: Thân này đáng nhàm lìa phải ưa thích pháp thân. Vì chê thân sinh tử vô thường tức khen ngợi pháp thân thường trụ. Nên giáo buộc phải dẫn đến thành lập pháp quán ưa thích và nhàm chán. Nếu pháp thân đổi lại là sinh diệt vô thường thì cũng đáng nhàm bỏ thì đâu có ưa thích? Nên giáo buộc dẫn đến quán ưa thích và nhàm chán sẽ không thành tựu. Phẩm Đề tử chép: Pháp thân vô lậu vì các lậu đã hết,” đây là nói không có nhân vô thường, pháp thân vô vi không rơi vào các số, đây là nói quả Phật vô vi thường trụ.

Xét kinh Bát-nhã, Tịnh Danh là giáo trước Pháp Hoa còn nói về thường trụ, kinh Pháp Hoa ở sau hai kinh chẳng lẽ là vô thường sao! Kế là dùng văn kinh Pháp Hoa để phá: Phẩm Phương Tiện chép: Tuy ta nói Niết-bàn là cũng chẳng phải chân diệt. Các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng” văn nay nói xưa nay đại, tiểu chân ngụy của hai diệt. Xưa tiểu thừa chẳng phải diệt độ chân thật, nay Đại thừa diệt độ là chân thật, xưa tiểu Niết-bàn chẳng phải Niết-bàn chân thật, nay đại Niết-bàn là chân Niết-bàn. Như vậy tức xưa tiểu thừa thường chẳng phải chân thường, nay đại thừa thường là chân thường. Phẩm Thí dụ chép: Chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát kỳ thật chưa được tất cả giải thoát. Người Thanh văn chỉ đoạn tứ trụ gọi là lìa luống dối, chưa đoạn vô minh trụ địa, tức giáo nay nói đoạn đủ năm trụ địa mới là tất cả giải thoát. Như vậy, người tiểu thừa hai nhân sinh tử chưa phá đổ gọi là vô

thường. Như lai ngũ trụ địa đều hết nên là thường trụ. Cho nên, phẩm Thọ Lượng chép: Tuổi thọ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp thường trụ không diệt, văn chép: rất nhiều không thể kể ra hết được.

Hỏi: Nếu kinh này đã nói thường trụ vì sao phẩm Thọ Lượng lại nói gấp bội hơn số trên?

Đáp: Luận Pháp Hoa nói lại gấp bội hơn số trên Như lai thị hiện tuổi thọ thường hằng không thể cùng tận, thì biết văn này nói nghĩa chẳng phải vô thường. Theo Quan Hà giải thích xưa của: Quan trung Tăng Duệ thọ trực tiếp Kinh Pháp hoa từ ngài La-thập có soạn lời tựa giải thích kinh chép: Phân thân là nói lí không thật, thọ lượng nhất định chẳng phải số lường tính. Phân thân nói không thật kia là Đức Thích-ca cùng Chư Phật đều chỉ là phân thân thì biết đều chẳng phải Phật thật. Phật thật nghĩa là pháp thân mẫu nhiệm của Như lai. Thọ lượng nhất định chẳng phải số lường tính thọ ấy không thể tính đếm. Đây nói Như lai tuổi thọ không rơi vào các số, là thường trụ đồng nghĩa sâu xa với luận Pháp Hoa, lại nghĩa đó đồng với kinh Tịnh Danh nói thân Phật vô vi không rơi vào các số.

Ngài Đạo Lãng ở Hà Tây soạn Pháp Hoa Số giải thích phẩm “Hiện bảo tháp trong kinh Pháp Hoa ” chép: Pháp thân lý thường trụ không có nghĩa còn mất, phẩm Thọ Lượng nói Như lai thọ lượng đồng như hư không. Tất cả thế gian chỉ có thân và mạng, nay tùy theo thế pháp cũng nói hai thứ này. Do đó đoạn trước nói pháp thân thường sau nói thọ không diệt, không khác với kinh Niết-bàn trước nói sống lâu sau nói thân Kim cương.

Thứ tư dùng nghĩa là khó, gồm có mười nghĩa:

1. Kinh này tuy nói Nhân quả mà nghĩa diêu ở quả, nhân chưa viên mãn cùng tốt thì vẫn chưa diêu, như quả Phật còn vô thường, vô thường thì khổ. Vô thường đã khổ thì vô ngã bất tịnh chính là thô pháp sao gọi là diêu?

2. Trong kinh chép: Vì một đại sự nhân duyên nên Phật xuất hiện ở đời, đâu thể chấp nhận trước sau dùng pháp vô thường thô không liễu nghĩa để hóa độ chúng sanh ư? Điều này trái với ân tình cha con, làm tổn thường bổn ý của Phật.

3. Trước nói nhất thừa khác với xưa nói ba thừa, sau nói thường trụ khác với xưa nói vô thường, do vì một thừa khác với ba thừa xưa, được dùng nhất thừa làm thuốc phá trừ bệnh ba thừa, do thường khác vô thường xưa, cũng được dùng thường trụ làm thuốc phá trừ bệnh vô thường cho nên có hai nghĩa trị. Nếu nay vẫn còn vô thường chỉ có dùng

một phá ba, không có dùng thường phá vô thường, cho nên tri bệnh chưa viên mãn hiển lý không đầy đủ.

4. Nếu nhất thừa khác ba thừa mà quả nhất thừa vẫn là vô thường, thì trở lại đồng khác xưa, cuối cùng ba thừa này không phải một thừa giáo đều không nghĩa hai đối trị.

5. Nếu nay một mà khác xưa ba mà vô thường vẫn đồng với xưa thì nhân khác quả, quả Thanh văn đồng La-hán đều là phi nghĩa.

6. Văn trước nói Thân tử làm chủ tỉnh mà ngài Thân Tử là cùng tột dị chấp trong người Tiểu thừa, cho nên nói nhất thừa khiến bỏ Tiểu về Đại vô khác về đồng, thì Đại có nghĩa là tiếp nhận tiểu, tiểu có lý ưa đại, tức phần đầu kinh giáo phù hợp căn cơ, phần sau kinh Di-lặc làm chủ tỉnh, Di-lặc là nhân vị cùng tột lý vô thường. Nếu nói quả Phật vẫn là vô thường thì quả không có lý tiếp nhân, nhân không có nghĩa ưa thích quả tức cơ giáo trái nhau vậy.

7. Theo Bồ tát Thiên Thân giải thích phẩm Thọ Lượng nói về ba thân Phật: Ở thành Già-da thành Phật là hóa thân, từ lâu đã được thân Phật tuổi thọ vô lượng là báo thân, không có sinh tử, hoặc thoái hoặc xuất phi thật phi hư phi như phi dị là pháp thân. Đã đầy đủ ba thân chẳng lẽ không phải thường trụ!

8. Phẩm Bồ-tát trong kinh Niết-bàn chép: Tám ngàn vị Thanh văn trong kinh Pháp Hoa được thọ ký riêng thành quả chắc lớn. Như mùa Thu thâu hoạch mùa Đông cất chứa, lại chẳng cần làm, cho nên biết kinh Pháp Hoa hiện rõ ràng rớt ráo, há chẳng phải nói thường sao!

9. Hai muôn vị Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh nói kinh Pháp Hoa rồi liền nhập Niết-bàn, phải biết nói pháp liễu nghĩa đã xong, sau mới nhập diệt. Nếu chưa nói pháp liễu nghĩa thì Phật không được diệt độ.

10. Nếu nói phẩm đề Như lai thọ lượng liền vô thường, thì có bốn câu này:

a) Vô lượng nói vô lượng như kinh Niết-bàn chép: Chỉ có Phật mới thấy Phật có tuổi thọ vô lượng.

b) Hữu lượng nói hữu lượng, như Đức Phật Thích-ca tám mươi tuổi.

c) Hữu lượng nói vô lượng, như Phật Vô Lượng Thọ.

d) Vô lượng nói hữu lượng như kinh Kim Quang Minh cho đến kinh này. Cũng như kinh Hoa Nghiêm chép: Cảnh giới sâu xa của đức Như lai lượng đó sánh bằng hư không. Kế là phá thuyết thứ hai nghĩa là kinh này che tướng nói thường, đó cũng không đúng. Mười nghĩa trên đây nói thường rất rõ ràng, không nên vọng cho rằng che tướng nói

thường.

Lại, Kinh này mở hai môn phương tiện để làm rõ hai nghĩa chân thật. Hai cửa phương tiện là thừa phương tiện và thân phương tiện. Làm rõ hai nghĩa chân thật nghĩa là thừa chân thật và thân chân thật. Thừa phương tiện nghĩa là ba nhân ba quả, thừa chân thật là một nhân một quả. Thân phương tiện là thân sinh diệt vô thường, thân chân thật là thân không sinh diệt thường trụ.

Nếu vẫn là che tướng thì cửa phương tiện chưa mở, tướng chân thật chưa làm rõ.

Hỏi: Nếu kinh này đã hiển rõ thường vì sao dùng kinh Niết-bàn để nói lại?

Đáp: Các kinh nói nghĩa đều có đại tông. Kinh Pháp Hoa nói rộng về nhất thừa, lược biện nghĩa thường. Kinh Niết-bàn rộng nói về thường trụ nói lược về nhất thừa, vì sao? Vì kinh Pháp Hoa đã nói đạo lý chỉ có một thì biết chỉ một Phật tánh. Đã nói tuổi thọ vô tận thì biết là thường, không cần nói. Chỉ những người độn căn nghe nhất thừa của Pháp Hoa mà không ngộ nên Niết bàn, nói rộng về Phật tánh giải thích thành nhất thừa, nói nhiều về nghĩa thường giải thích thành tuổi thọ lâu xa mới được liễu ngộ.

Hỏi: Vì sao biết được kinh Niết-bàn là nói cho người độn căn? Vì kinh này nói con có hai hạng: Một là con không mất bốn tâm, hai là con bị mất bốn tâm. Từ kinh Hoa Nghiêm đến kinh Pháp Hoa là những đứa con không mất bốn tâm nghe nói đều được ngộ, không cần nói kinh Niết-bàn. Những người con đã thất tâm vì hơi độc thấm sâu vào làm mất bốn tâm, cho nên nghe nói kinh Pháp Hoa không ngộ bèn tuyên bố diệt nói thường mới hiểu được. Hai hạng người này từ khi có nói kinh Pháp Hoa đã ngộ, nghe nói kinh Niết-bàn thì sự hiểu biết càng tăng thêm. Lại có chúng sinh không nghe kinh Pháp Hoa mà trực tiếp nghe kinh Niết-bàn thì được ngộ.

Tương truyền luận Bảo tánh nói kinh Đại Phẩm đều nói cho Bồ-tát lợi căn, kinh Pháp Hoa nói cho người trung căn, kinh Niết-bàn nói cho người hạ căn. Lại dù đồng là Bát-nhã mà Bát-nhã có vô lượng bộ, tuy đồng nói thường mà nói thường đâu có ảnh hưởng gì cũng có nhiều bộ. Như Kim Quang Minh loại bảy quyển kinh đã nói rõ về thường trụ, có thể không nói lại kinh Niết-bàn được chăng?

Kế đến phá ý thứ ba, kinh này đã nói về thường trụ, ngôn ngữ này lẽ ra không chọn. Song nay chỉ dùng chánh đạo so chiếu còn chưa rõ ráo, nếu chấp thường trụ thì chấp sinh tử đoạn diệt. Đây chính là hai

chấp đoạn thường trái tổn Trung đạo, cho nên Phẩm Thành Trung Luận hoại trong chếp: Nếu có pháp sở thọ thì rơi vào đoạn thường, nên biết pháp sở thọ hoặc thường hoặc vô thường. Do đó biết có sở đắc chấp trước đều rơi vài hai chấp đoạn thường, đã rơi vài đoạn thường thì chẳng phải là Phật cũng không gọi là diệu.

Có người ngoài hỏi: Có pháp sở thọ không rơi vào đoạn thường, vì nhân quả nối tiếp nên không đoạn cũng không thường. Ngài Long thọ

Đáp: Niết-bàn diệt nối tiếp, thời là đoạn diệt. Đây là nói đặc Đại Niết-bàn diệt nối tiếp sinh tử vì vậy là đoạn diệt, đặc Đại Niết-bàn thường trụ thì là chấp thường trụ. Kinh cũng chếp: Kiến sinh tử vô thường gọi là đoạn kiến, kiến Niết-bàn thường gọi là thường kiến. Nên biết chấp đoạn thường thì rơi vào hai kiến chẳng phải Phật chẳng phải diệu.

Hỏi: Nếu ba giải thích Phật đều không thành, nay vì sao nói Phật là Diệu?

Đáp: Theo Trung Luận của ngài Long Thọ thì phẩm Như lai nói nhiều về pháp thân phá mười hai thứ kiến chấp: Ban đầu có bốn câu nói về không và hữu chẳng phải Phật, hoặc nói Phật là thế đế hữu, hoặc nói Phật là chân đế không. Hoặc nói Phật thuộc đủ hai đế không-hữu, hoặc nói Phật phi không phi hữu ra ngoài hai đế. Bốn kiến chấp như thế đều chẳng phải pháp thân. Bốn câu Không hữu đã chẳng phải pháp thân, bốn câu thường vô thường, bốn câu biên vô biên nghĩa cũng như vậy.

Có người ngoại đạo hỏi: Nếu có mười hai chấp đều chẳng phải Phật, lẽ ra không có Phật sao? Luận Chủ đáp: Người tà kiến sâu dày thì nói không có Như lai nên biết chẳng phải không có Phật. Lại hỏi: Phật nếu chẳng phải không có thì nên có? Luận chủ đáp Đức Như lai tướng vắng lặng, phân biệt có cũng chẳng phải Phật. Họ lại hỏi: Nếu Phật chẳng phải có chẳng phải không vì sao vận tâm quán thân Phật? Luận chủ đáp: Trong tánh không như vậy, suy nghĩ cũng không thể được, vì vậy biết có chút ít muốn dựa vào tâm thì trái tổn Phật. Nếu vậy thì đâu thể dùng cho kiến chấp thường trụ là Phật?

Hỏi: Do Trung Luận nói rộng ra để đối phó tà thuyết ngoại đạo mà thôi, chẳng hay kinh Pháp Hoa nói tướng Phật thế nào?

Đáp: Trung Luận chếp: Tướng vắng lặng của Như lai nếu phân biệt là có cũng chẳng phải Phật. Kinh Pháp Hoa chếp: Tướng các pháp vắng lặng không thể dùng ngôn thuyết, Luận Chủ còn dẫn tướng vắng lặng nói ở kinh Pháp Hoa để nói về pháp thân Luận đã nói Pháp thân nằm ngoài bốn câu, kinh này há không dứt trăm phi hay sao! Cho nên

phẩm Thọ Lượng nói lược pháp thân đầy đủ mười không, nghĩa là không như ba cõi mà thấy ba cõi, không có sinh tử hoặc thoái hoặc xuất, cũng không tại thế và diệt độ. Chẳng phải thật chẳng phải hư, chẳng phải như chẳng phải dị, nhưng Phật năng thừa đã chẳng phải thường chẳng phải vô thường thì pháp sở thừa cũng chẳng phải thường chẳng phải vô thường, pháp sở thừa cũng chẳng phải ba chẳng phải một. Chỉ vì đối xưa là ba nên gượng khen là một. Vì đối xưa nghĩa là Phật vô thường nên giả nói thường. Nói một nói là thường gọi là dụng diệu. Chẳng phải thường chẳng phải vô thường không ba không một tướng ngôn từ vắng lặng gọi là thể diệu.

Hỏi: Đã lấy Phật thừa làm diệu thì một sự giáo hóa từ đầu đến cuối đều nói về Phật cũng được là diệu chẳng?

Đáp: Một đời giáo hóa của Đức Phật trước sau nói có năm thứ:

1. Cội gốc diệu nghĩa là gom Hoa Nghiêm nói nhân quả nhất thừa, pháp thân rất ráo. Nên văn kia chép: Muốn cho chúng sinh sinh tâm vui mừng theo điều thiện, cho nên thị hiện sinh trong cung vua. Muốn cho chúng sinh sinh tâm luyến mến vì vậy thị hiện vắng lặng nơi Song thọ. Đức Như lai thật ra không ra đời cũng chẳng nhập Niết-bàn, vì sao? Vì pháp thân thường trụ đồng với pháp giới.

2. Cành nhánh diệu đối với nhất Phật thừa chia ra nói thành ba. Hai trong ba gọi là thô, Phật thừa là cao quý do đó gọi là Diệu.

Kinh này nói chỉ vì một sự thật ngoài ra có hai thời chẳng phải thật.

3. Đưa nhánh về gốc diệu tức là trong kinh này đã nói về Phật thừa rất ráo viên mãn, vì vậy gọi là diệu.

4. Tuyệt đãi diệu ba thứ diệu trên đều là đối với thô mà nói diệu, chưa phải hảo diệu. Nhưng diệu thứ tư chẳng phải thô chẳng phải diệu, không biết lấy ngôn từ gì diễn đạt khen ngợi sự diệu, đó nên nói tuyệt đãi diệu.

Hỏi: Trong Kinh chỗ nào có văn nói về tuyệt đãi diệu này?

Đáp: Trong kinh Niết-bàn nói đối với khổ nói vui, vui lại thành khổ, chẳng phải khổ chẳng phải vui mới là vui lớn.

Lại nói rằng không do Tiểu thừa Niết-bàn gọi là Đại Niết-bàn. Nên trong Luận Trí Độ chép: Mười tám không là tướng đãi không, riêng Không chẳng phải tướng đãi không, đã có hai không đãi bất đãi, sao không có hai diệu đãi, bất đãi. Lại nói ngài Tuệ Quán ở đạo tràng học sĩ La-thập soạn lời tựa Pháp Hoa rằng: Gọi là diệu mà thể dứt tinh thô, nương Pháp Hoa giảng nói ít đạo nhiệm mầu giống như tiêu biểu.

Ngài làm tụng rằng:

“Pháp ấy không thể bày
Tướng ngôn từ vắng lặng
Nên Nhị thừa dứt lo
Bổ xứ bật dứt mong”.

Ngài soạn: Lời tựa xong đưa cho ngài La-thập xem, ngài La-thập khen rằng:

Này người “Thiện nam! Nếu tự không vào sâu kinh tạng, thì không thể nào nói được như thế?

Không thể làm thuyết như thế?

Lại chú giải kinh Pháp Hoa rằng:

Chẳng phải ba chẳng phải một tướng cùng tận là Diệu, chẳng phải lớn chẳng phải nhỏ mà chung cho muôn vật là pháp. Nên biết tuyệt đãi giải thích Diệu cũng là tông chỉ cũ của Ngài Quan Hà .

5. Không có thô diệu: tức là pháp môn Tịnh Độ, cho nên Bồ-tát Hương Tích chép: Cõi ta không có danh từ Thanh văn, Bích-chi-Phật, tức không có thô, chỉ có đại Bồ-tát thanh tịnh, gọi là có Diệu.

Luận Trí Độ chép: Thế giới bảy báu thuần là các đại Bồ-tát, cũng là việc ấy. Năm thứ diệu này, theo thứ lớp lại nhiếp hết tất cả giáo môn hai cõi tịnh về ba đời Chư Phật ở mười phương.

Hỏi: Đã biết kinh này chính là nói về quả diệu thì cũng được nói về nhân diệu chăng?

Đáp: Có người nói kinh này nói nhân nhưng chưa nói về Phật tánh, chỉ nói muôn điều thiện làm duyên nhân thành Phật, vì đối lại với nhân của ba thừa ở trước cho nên, gọi là diệu. Nếu hướng về Niết-bàn ở sau nói chánh nhân Phật tánh thì chưa phải là Diệu. Nay tìm thấy mười văn nghĩa, không đồng với giải thích này:

1. Đại thừa nếu có ba thì có ba tánh, đã là đạo lý chỉ có một Phật thừa, cho nên chỉ có một Phật tánh.

2. Nếu nói kinh này chỉ nói người thiện có Phật tánh người ác không có Phật tánh, khác với kinh Niết-bàn thì Bồ-tát Thường Bất Khinh thấy bốn chúng là người ác tăng thượng mạn chép: “Ta không khinh các ông, các ông hành đạo Bồ-tát chắc chắn sẽ thành Phật”.

Luận Pháp Hoa: Giải thích: Chỉ bày tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nên đều sẽ thành Phật, do đó xét biết chẳng phải chỉ người thiện mới có Phật tánh. Lại văn khuyên tin trong phẩm Thí Dụ chép: “Nếu các ông có thể tin nhận lời này thì tất cả sẽ được thành Phật đạo”.

Phần này nói tất cả thành Phật đâu loại trừ người ác!

3. Nếu kinh này chỉ có tên nhất thừa cho nên không hiểu rõ Phật tánh, thì do chưa biết một pháp có nhiều tên, nên sinh ra hiểu lầm này.

Trong kinh Niết-bàn chép: Phật tánh có năm tên.

Nhất thừa là một trong năm thừa, lại nói Phật tánh vừa là một, vừa chẳng phải một. Thế nào là một? Vì tất cả chúng sinh đồng một thừa cho nên là một. Thế nào là chẳng phải một? Chẳng phải số pháp, thì biết Phật tánh vừa nhất thừa đều là tên khác.

4. Dẫn ví dụ giải thích: Nếu nói kinh này không nói về Phật tánh, tức là chưa nói Phật tánh thì trong kinh Niết-bàn, kinh Hoa Nghiêm không có tên gọi tám Thức, cũng không nói đến biến dịch sinh tử, tức kinh Niết-bàn, kinh Hoa Nghiêm chưa nói tám Thức và hai thứ sinh tử!

5. Luận Bảo Tánh chép: Kinh Rốt ráo nhất thừa nói có Như-lai-tạng và Tam Bảo không khác nhau, kinh này nói cứu cánh nhất thừa, thì biết cũng nói về Như-lai-tạng (thức thứ tám), nên trong phẩm Tín Giải chép: “Ông không bị ngã phân biệt thì các ông sẽ có phần bảo tàng tri kiến của Như lai,” tức câu này làm chứng.

6. Phẩm Tứ Đế trong Trung Luận chép: Tuy siêng năng tin tấn tu hành đạo Bồ-đề mà nếu trước không có Phật tánh thì không bao giờ được thành Phật. Trong văn xuôi giải thích: Như sắt không có tánh vàng, tuy có rèn luyện cũng không bao giờ thành vàng. Như kinh này không nói Phật tánh, thì dù tu muôn điều thiện cũng không được thành Phật.

7. Ngài Thiên Thân nói Kim cương, Bát-nhã còn đã nói về Phật tánh, huống chi là Pháp Hoa?

8. Kinh Niết-bàn dẫn Ma-ha Bát-nhã rằng: Ngã vô ngã không có hai tướng. Đây là nói chúng sinh vô ngã và Phật tánh chân ngã không hề khác nhau, mà trong Đại phẩm đã nói Phật tánh, huống gì là Pháp Hoa.

9. Hễ thấy Phật tánh mới được thân thường. Trong phẩm Thọ Lượng còn nói về “Thường”, đâu thể kinh này không nói về Phật tánh!

10. Lời nói của người khó nương theo, lời bậc Thánh nên tin.

Ngài Thiên Thân nói về Pháp Hoa có bảy chỗ nói Phật tánh:

1. Phẩm Phương Tiện chép: Chỉ có Phật và Phật mới có thể biết rốt ráo hết thật tướng các pháp.

Trung Luận chép: Thật tướng các pháp nghĩa là thể pháp thân Như-lai-tạng bất biến, và giải thích phẩm Pháp Sư: “Biết cách nước Phật tánh không xa,” xét qua mười nghĩa trên, thì biết kinh này đã nói về Phật tánh, tức do pháp môn rốt ráo gọi là nhân diệu.

Kế là giải thích từ Liên Hoa, kinh chép: Pháp Không danh tướng

nhưng vì chúng sinh nên tạm nói danh tướng, muốn khiến chúng sinh nhân danh tướng đây, ngộ lý không danh tướng. Bởi đây là đại tông để thiết lập giáo là bản ý của các bậc Thánh, nên đối với không danh tướng tạm nói danh tướng. Như kinh Đại phẩm chép: Tất cả chúng sinh đều là hành trong danh tướng, nay muốn dứt danh tướng kia, nên mượn danh tướng để ngộ không danh tướng. Nói chung: Pháp mầu cùng Liên Hoa đều là danh tướng. Kinh này chép: Nói kinh Đại thừa tên Diệu pháp Liên Hoa, đây là theo riêng nói. Diệu pháp này không danh mà là danh, Liên hoa vô tướng mà là tướng, cho nên tựa đề pháp đều nêu, danh tướng đều bày. Xưa chép: Ở nước ngoài gọi là Phân-đà-lợi, Hán dịch là Liên Hoa, nay nói Phân-đà-lợi chưa hẳn dịch là Liên Hoa (Hoa sen).

Kinh Niết-bàn chép: Liên Hoa trong cõi người, hoa Phân-đà-lợi trong cõi người”, đã đưa ra hai thứ dường như có khác. Nay cho rằng Liên Hoa là tên chung Phân-đà-lợi là tên riêng. Vì sao biết như vậy? Nay dẫn năm điều chứng minh:

1. Trong kinh Niết-bàn ngài Ca-diếp hỏi: Làm sao ở đời vẫn đục mà không ô nhiễm như hoa sen? Đức Phật nêu đủ bốn loại hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi để trả lời tức biết hoa sen chỉ chung cả bốn loại hoa.

2. Kinh Đại phẩm có đoạn văn nói về bốn hoa ở nước ngoài. Đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi. Kinh này có văn nói cõi này có bốn loại hoa, đó là từ hoa sen xanh đến hoa sen trắng.

3. Trong kinh Địa Ngục chép: Địa ngục Ưu-bát-la hình giống như hoa sen xanh, địa ngục Ba-đầu-ma hình dạng giống như hoa sen đỏ, địa ngục Câu-vật-đầu hình dạng giống như hoa sen vàng, địa ngục Phân-đà-lợi hình dạng giống hoa sen trắng.

4. Kinh Bi Hoa có nói bốn loại hoa, hoa Phân-đà-lợi là hoa sen trắng.

5. Theo pháp Hiển Truyện và chư Tăng ở Thiên Trúc đều nói hoa Phân-đà-lợi là hoa sen trắng, nên biết hoa sen là chỉ chung, hoa sen trắng là chỉ riêng.

Lại hoa này gồm có ba thời:

1. Khi chưa nở tên là Quật-ma-la
2. Khi nở sắp rụng tên là Ca-ma-la.
3. Thời ở giữa phát triển đủ gọi là Phân-đà-lợi. Tức biết hoa Phân-đà-lợi là một màu trong bốn màu. Một thời trong ba thời. Dùng thời ở

giữa phát triển tươi tốt sáng rõ đầy đủ trắng tươi rõ ràng, để ví dụ cho kinh này.

Hỏi: Ở trong kinh Pháp Hoa có văn này không?

Đáp: Bồ-tát Diệu Âm vì mở rộng kinh Pháp Hoa, nên đến cõi Ta-bà này hóa thành tám muôn bốn ngàn, các hoa sen báu, bạc trắng bằng vàng ở cõi Diêm-phù-đề, lá bằng bạc trắng tua bằng, Kim cương đài bằng báu Chân thúc Ca, tức biết hoa sen trắng này dùng tám muôn bốn ngàn pháp tạng đều nhiếp vào kinh Pháp Hoa, nay thị hiện muốn hoằng kinh Bạch Liên Hoa, nên trước thị hiện hình ảnh hoa sen trắng.

Hỏi: Trong Luận Trí Độ chép: Trong các thứ hoa trên đất liền, hoa Tu-mạn-na là bậc nhất. Trong các thứ hoa mọc dưới nước, hoa sen xanh là tối thượng. Nay vì sao nêu hoa sen trắng làm dụ?

Đáp: Hình tướng của hoa sen xanh thì tươi đẹp nên thí dụ như mắt của Đức Như lai, hoa sen trắng sánh với nghĩa cao quý, nên dụ cho kinh này. Vì sao? Vì muốn nói kinh này nghĩa rất rõ ràng, thích hợp dùng hoa sen trắng làm dụ. Vả lại, kinh này có hai chương hiện điềm lành đều nói về màu trắng.

Chương đầu phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, mở cửa Phương tiện nhất thừa làm rõ nghĩa chân thật nhất thừa. Kế đến là phẩm Hiện Bảo Tháp. Đầu tiên là phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, muốn tiểu biểu khai thân phương tiện làm rõ nghĩa thân chân thật. Do kinh này này mở ra hai cửa phương tiện chỉ bày hai nghĩa chân thật rất rõ ràng nên nêu hoa trắng làm dụ.

Màu trắng là màu chính trong các màu, nói nhất thừa là gốc của ba thừa, nên đối với một này nói thành ba, nói ba mà thành một, khiến trở về nhất thừa. Pháp thân đối với ứng tích nói là ứng dụng vì giúp cho ngộ được pháp thân, nên chương đầu dùng nhất thừa làm gốc, đoạn kế dùng pháp thân làm gốc. Vì để hiển rõ hai nghĩa cội gốc, nên lấy màu sắc cội gốc đặt tên.

3. Cưỡi xe lớn, xe lớn tức là trâu trắng, trâu trắng dụ cho đại tuệ bình đẳng, không có cấu uế hữu lậu nên so sánh với màu trắng. Văn kinh này tuy có bảy tông cội gốc về đại tuệ, nên nêu trâu trắng làm dụ.

Hỏi: Vô lậu xuất xứ từ văn nào?

Đáp: Trong phẩm Phương tiện chép: Đức Phật bảo ngài Xá lợi phất pháp vô lậu sâu xa mâu nhiệm không thể nghĩ bàn chỉ có ta mới biết tướng đây, mười phương Phật cũng như vậy.

4. Cho đến Bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi trắng sáu ngàn che chở người

lưu thông pháp, cũng hiển bày rõ đức của pháp mà Bồ tát nương vào chẳng đức nào không viên mãn, phiền não đều dứt hết nên cõi voi đầu đàn trắng sáu ngà đến vậy.

Hỏi: Trong bốn thời vì sao không mượn hai thời khác làm dụ?

Đáp: Thời Quạt-ma-la hoa cũng chưa nở hình tướng chưa nhiệm mầu là dụ xưa nay các giáo pháp chưa mở cửa phương tiện nên chưa hiển nghĩa chân thật, nên không được dụ với kinh này. Thời Ca-ma-la hoa đã sắp tàn hình tướng đẹp hủy hoại là dụ sau Pháp Hoa giáo pháp đã mở cửa phương tiện, đã làm rõ nghĩa chân thật, cũng không được dụ với kinh này. Chỉ có Phân-đà-lợi ở trong thời hưng thịnh hình tướng khả ái dụ cho kinh này, là chánh mở cửa phương tiện, chánh hiển nghĩa chân thật mầu nhiệm bậc nhất. Hoa có ba thời, dụ giáo pháp cũng có ba thứ, nên phẩm Pháp sư chép: Đã nói nay nói sẽ nói trong đó kinh Pháp Hoa này rất là bậc nhất.

Hỏi: Vì sao nêu hoa sen làm dụ?

Đáp: Lược có ba nghĩa: Lìa, hợp và biến.

Nói lìa lại có ba nghĩa:

1. Hoa này không có thì thôi, hễ có thì hoa hạt đồng thời có. Kinh này không nói thì thôi, nói thì nhân quả đều nói, nên dùng hoa sen để dụ cho nhân quả.

2. Do hoa nở nên hạt hiện, do ngôn giáo nên lý hiển, nên dùng hoa sen làm dụ về lý giáo. Do đó kinh chép: Nghĩa ấy thâm sâu lời kia hay khéo.

3. Hoa chưa nở thì hạt chưa hiện, hoa nở thì hạt mới hiện, chưa mở cửa Phương tiện thì tướng chân thật chưa hiển, mở cửa Phương tiện thì tướng chân thật mới hiển, nên dùng hoa nở để dụ mở cửa Phương tiện, hạt hiện thì dụ cho tướng chân thật hiển.

Về hợp thí dụ, nói tóm lược thì có mười nghĩa:

1. Hoa này từ hạt giống mà sinh, dụ cho nhất thừa chắc chắn có chủng tánh ấy. Bài tụng chép:

*“Đấng Lương túc trời người ,
Biết pháp thường vô tánh
Giống Phật từ duyên khởi
Thế nên nói nhất thừa”.*

2. Hoa này từ tế đến thô, dụ cho Phật thừa lần lần tăng trưởng. Tụng rằng:

*“Chứa nhóm dân công đức
Đầy đủ tâm đại bi*

*Với các người như thế
Đều đã thành Phật đạo”.*

3. Hoa này tăng trưởng đầy đủ thì lên khỏi mặt nước bùn dơ. Dụ cho đức của Phật đều viên mãn, sự trói buộc đều dứt hết ra khỏi nước bùn dơ sinh tử. Tụng rằng:

*“Như lai đã xa lìa
Nhà lửa cháy ba cõi
Ở chỗ yên vắng lặng
Chốn rừng sâu hoang dã”.*

4. Hoa này tuy ra khỏi nước bùn dơ mà không bỏ nước bùn dơ, là dụ cho Phật tuy ra khỏi ngoài bốn dòng mà không bỏ ba cõi. Tụng rằng:

*“Lúc ấy ở ngoài cửa
Trưởng giả đứng sợ trông
Kinh hãi vào nhà lửa Mới
cứu giúp được con”.*

5. Hoa này mẫu nhiệm tinh khiết bậc nhất, như Đức Phật ở trong năm thừa là bậc nhất. Tụng rằng:

*“Thừa đây rất mẫu nhiệm
Là thanh tịnh bậc nhất
Đối các pháp thế gian
Không pháp nào hơn được”.*

6. Hoa này được phàm Thánh khen ngợi yêu thích, Phật thừa cũng vậy, được thế gian xuất thế gian, phàm Thánh khen ngợi yêu kính. Tụng rằng:

*“Pháp do Phật nói ra
Thích hợp nói chúng sinh
Ai cũng đều khen ngợi
Cúng dường và lễ bái.*

7. Đài và lá của hoa này đầy đủ, dụ Phật thừa muôn đức đều viên mãn. Tụng rằng:

*“Vô lượng muôn ngàn số
Các lực và giải thoát
Thiền định và trí tuệ
Các pháp khác của Phật”.*

8. Hoa này Chư Phật Bồ-tát ngồi trên ấy, Đại thừa cũng vậy, vì Chư Phật Bồ-tát trụ trong đó. Tụng rằng:

“Phật tự trụ Đại thừa

*Như pháp Ngài sở đắc
Sức Định tuệ trang nghiêm
Dùng đó độ chúng sinh”.*

9. Hoa này nở đúng thời, là dụ cho pháp nhất thừa ẩn hiển có thời, ngày xưa thì ẩn, ngày nay thì hiển, tụng rằng:

*“Sở dĩ không hề nói
Vì giờ nói chưa đến
Nay chính là đúng giờ
Quyết định nói Đại thừa”.*

10. Lúc kiếp mới thành, đại Phạm Thiên Vương ngồi tòa hoa sen, làm cha của tất cả chúng sinh. Diệu pháp Liên Hoa cũng là cội gốc của Chư Phật ba đời. Phẩm Dược Sư chép: “Như Đại Phạm Thiên Vương là cha của tất cả thế gian”. Kinh này cũng vậy, là cha của cả Hiền Thánh bậc Học, Vô học và người phát tâm Bồ-tát.

Kinh Phổ Hiền Quán chép: “Kinh Phương Đẳng là mắt của Chư Phật, Chư Phật nhờ đó đắc đủ năm thứ mắt, ba thứ thân của Phật từ kinh Phương Đẳng phát sinh, là đại pháp ấn, ấn xuất biểu Niết-bàn hải, cho nên kinh Phương Đẳng sinh ba thân. Do Phương Đẳng nên tỏ ngộ thật tướng, dứt các phiền não, vì dứt các phiền não nên pháp thân hiện, pháp thân hiện nên có ứng thân, có ứng thân nên có hóa thân, có hóa thân nói mười hai bộ kinh, nói mười hai bộ kinh nên có Pháp Bảo, có Pháp Bảo nên có Tăng Bảo, nên có Tam Bảo, nên có ba thiện đạo ở thế gian. Thế nên biết Pháp Hoa là gốc của thế gian và xuất thế gian.

Hỏi: Luận Pháp Hoa giải thích thế nào?

Đáp: Luận chép: Do Phật thừa ra khỏi nước, như đục của Nhị thừa, dụ như hoa sen. Lại nói hoa này Chư Phật Bồ-tát ngồi trên ấy, thì kinh này cũng vì họ mà dạy bảo người Nhị thừa thô thiển cùng đắc nhất thừa, cùng với Chư Phật Bồ-tát ngồi tòa Diệu pháp Liên Hoa, nên mượn hoa sen làm dụ, cũng là hai nghĩa trong mười nghĩa.

Nói về dụ khắp: Kinh Đại Tập chép: “cọng là Từ bi, lá là trí tuệ, Tam-muội làm tua, nở là giải thoát”.

Bồ-tát Phong Vương hái vị cam lồ, thế nên ta lễ Diệu pháp Liên Hoa.

IV. Môn nói về ý giáo: Năm thời giáo ở phương Nam, bốn tông luận ở đất Bắc không có văn làm tổn nghĩa. Xưa đã nói rõ, nay lược qua không nói lại. Kinh Niết bàn chép: Bốn sanh nhiều loạn, bởi ô nhiễm lỗi lống đối, lãng xãng trong sáu đường thật vì cố chấp vững như, nên biết ngược dòng sanh tử lấy nguồn làm nơi bám víu, vượt hẳn đến bờ kia,

dùng vô đắc làm cội gốc, nhưng lụy căn chẳng phải một, nên pháp môn dứt điên đảo thành nhiều môn. Hoặc trước sau dùng pháp Đại, trước sau dùng pháp Tiểu, hoặc trước Tiểu sau Đại, trước Đại sau Tiểu, hoặc bên trong Đại Tiểu đều bày đồng loạt, hoặc vô lượng thời chỉ nói một pháp, hoặc nói pháp khác mà trước sau đều khác, hoặc nói pháp đồng mà trước sau là khác, bởi căn cơ ngộ chẳng phải một nên giáo hóa thích hợp vô phương không thể hạn cuộc dùng năm thời giới hạn bốn giáo.

Nói đầu cuối đều là pháp Đại thừa: Như kinh Niết-bàn chép: Khi ta mới thành Phật đạo đã có Bồ-tát đến hỏi nghĩa này không khác nhau với lời hỏi của ông, nên biết sau nói kinh Niết-bàn ban đầu cũng nói giáo này.

Trước sau đều Tiểu. Như Luận Trí Độ chép: Từ lúc mới chuyển nhất thừa đến đại Niết-bàn kết tập làm bốn thời A-hàm, tức từ việc ấy.

Ban đầu Tiểu sau Đại. Ban đầu ở vườn Nai nói pháp Tiểu Thừa, ở núi Linh-thứu trở đi nói rõ về đại pháp.

Ban đầu Đại sau Tiểu. Là ngồi dưới cội Bồ đề ban đầu nói kinh Hoa Nghiêm, sau đến vườn Nai mới nói tiểu giáo. Nói một thời đều nói Đại Tiểu. Như trong Luận Trí Độ chép: Làm rõ giáo môn tức ở vườn Ba-la-nại nói pháp Đại Tiểu, pháp bí mật thì ở Song lâm nói rõ Đại Tiểu. Nói vô lượng thời nói rõ một pháp. Như Luận Trí Độ chép: Bát-nhã chẳng phải một tòa một thời mà nói. Nói pháp khác mà trước sau không đồng. Như Luận Trí Độ chép: “Ngài Tu Bồ Đề nghe kinh Pháp Hoa nói tất cả thành Phật, lại nghe Bát-nhã nói Bồ-tát có lui sụt, nên nay hỏi Bồ-tát này là nhất định hay không tất định, Pháp Hoa Bát-nhã là pháp khác, mà Bát-nhã hoặc có trước Pháp Hoa, hoặc có sau Pháp Hoa, nên trước sau không đồng.

Hỏi: Làm sao biết được Pháp Hoa nói trước?

Đáp: Trong Luận Trí Độ giải thích: Có ba trăm Ty-kheo cõi y dâng lên Phật: Có người chép: Trong mười hai năm chưa chế giới, tức biết Bát-nhã đã nói vào mười hai năm trước, kinh Pháp Hoa sau khi thành đạo hơn bốn mươi năm mới nói.

Hơn nữa trong phẩm Tín Giải chép: Nói giao phó của cải rồi sau cha con mới đoàn tụ, cũng là Bát-nhã có trước Pháp Hoa có sau, mà trước lại dẫn chứng văn của phẩm Tất Định thì Pháp Hoa có trước Bát-nhã có sau. Nói pháp đồng mà trước sau khác.

Như năm thời đồng là pháp Bát-nhã, nhưng trong kinh Nhân Vương chép: Hai mươi chín năm nói bốn thứ Bát-nhã, năm thứ ba mươi

nói Nhân Vương, Bát-nhã.

Như vậy các việc không thể trình bày đủ, nêu lược tám điều để chỉ cho biết Thánh giáo là Vô phương, không nên hạn cuộc vào nghĩa năm thời và bốn tông.

Hỏi: Như ông thì Đại Tiểu không có chia cạn sâu lẫn lộn, vì sao được luận nói hai tạng kinh Thanh văn Bồ-tát chia ra Đại Tiểu hai thứ thừa?

Đáp: Giáo pháp của Phật tuy giống như cát bụi nên nay dùng hai nghĩa xét qua tức bao gồm hết các việc.

1. Đến hàng tiểu cơ nói giáo gọi là Tiểu Thừa, đến hàng Đại cơ nói giáo là Đại thừa, mà sau khi Đức Phật diệt độ, người kết tập pháp tạng, xếp tất cả thời Đức Phật nói Tiểu giáo vào Thanh văn Tạng, tất cả thời nói Đại thừa gọi là Tạng Bồ-tát, thì nghĩa Đại Tiểu phân ra giáo pháp có cạn sâu khác nhau.

Hỏi: Vì sao biết được chỉ có hai tạng?

Đáp: Trung Luận chép: Trước ở trong pháp của Thanh văn nói mười hai nhân duyên về sau vì đã tu tập hạnh có thể kham nhận pháp sâu nên, dùng pháp Đại thừa nói tướng nhân duyên.

Luận Trí Độ chép: Ngài A-nan, ngài Ca-diếp kết tập ba tạng. Ngài Di-lặc, A-nan, Văn-thù kết tập tạng Đại thừa.

Luận Địa Trì chép: Mười hai bộ kinh gọi là Thanh văn Tạng, kinh Phương Đẳng gọi là Bồ-tát Tạng. Mà Đại phẩm, Tư ích, Pháp Hoa, Niết-bàn, bốn bộ kinh này đều đối với tiểu xưa mà so sánh khen ngợi đại ngày nay, thì biết một đời giáo hóa trước sau đều nói hai giáo Đại Tiểu.

Hỏi: Kinh này nói chỉ có một Phật thừa, vì sao nói lập hai bộ Đại Tiểu?

Đáp: Đức Như lai vì hai duyên Đại Tiểu mà nói hai giáo Đại Tiểu, tuy nói hai giáo mà cuối cùng để hiển bày nhất thừa.

Phẩm Dược Thảo Dụ chép: “Đối với tất cả pháp dùng trí phương tiện mà giảng nói, trí phương tiện đã nói pháp đều đến địa nhất thiết trí.” Nên biết giáo không khác tiêu biểu duyên không ngộ khác, nhưng đối với khác nên nói rõ không khác, với khác đã không có thì không khác cũng dứt, nên chép: Pháp này không thể chỉ bày tướng ngôn từ vắng lặng. Nếu chấp chặt Đại Tiểu hai tạng và cố chấp chỉ nhất thừa, thì đây đều thành hai chấp một và khác, chưa ngộ xưa nay vắng lặng, là chẳng phải người học Phật pháp.

Hỏi: Trong kinh Pháp Hoa trước sau có bao nhiêu loại giáo?

Đáp: Hoặc một giáo, hai giáo, ba giáo, bốn giáo cho đến mười giáo.

Nói một giáo: Tất cả đều là giáo nhất thừa. Như phẩm Dược Thảo Dự chép: Đối với tất cả pháp dùng trí phương tiện mà giảng nói, pháp đã nói đều đến nhất thiết trí địa, vì lý sở biểu đã không hai, nên giáo năng biểu cùng đồng.

Nói hai giáo: Là hai thừa Đại Tiểu như trước đã nói.

Nói ba giáo: là pháp luân căn bản, giáo cành nhánh và đưa nhánh về gốc, như trước đã nói.

Nói bốn giáo: Văn kệ trong phẩm Phương Tiện nói về bốn giáo, đó là bốn điều nhu:

1. Dùng thừa trời, người điều nhu khiến lìa ba đường.
2. Dùng Nhị thừa điều nhu khiến lìa ba cõi, hai điều nhu này khiến lìa hoặc nội giới.
3. Dùng tự giáo điều nhu khiến người Nhị thừa được từ miệng nói đại pháp để tự biết giáo điều phục tâm.
4. Dùng tha giáo điều nhu, nghĩa là Chư Phật Bồ-tát vì họ nói đại pháp khiến đổi tiểu vào đại, hai giáo này khiến họ lìa hoặc Tiểu Thừa vượt ra ba cõi.

Bốn thứ này điều nhu người Nhị thừa được vào nhất thừa, là phương tiện của nhất thừa. Nên trong phẩm Tín Giải chép: Như Trưởng giả giàu có dùng sức phương tiện điều phục tâm nó rồi mới cho trí lớn.

Nói mười giáo:

1. Đốn giáo: Nghĩa là khi mới thành đạo liền dùng Đốn Giáo Giáo Đại thừa hóa cùng tử, nhưng căn tánh chưa nhận nổi, thế nên ngừng giáo hóa.

2. Tiệm Giáo: Nghĩa là từ khi nói thừa trời, người cho đến Pháp Hoa đều là tiệm nói Đại thừa. Song Đốn giáo chính là hóa độ Bồ-tát thẳng đến, tu Tiệm giáo thì hóa độ Bồ-tát về Đại.

Y theo Tiệm giáo lại chia ra hai thứ:

1. Giáo Thế gian : Tức thừa trời, người , ví như rưới nước lạnh vào mặt.

2. Giáo Xuất thế gian : Đến vườn Nai nói giáo Nhị thừa, cuối cùng là Pháp Hoa.

Giáo xuất thế gian lại có hai thứ:

1. Tiểu Thừa giáo.

2. Giáo Đại thừa.

Ban đầu đến vườn Lộc uyển thuyết giáo Tiểu thừa, từ Bát-nhã trở

đi gọi là Giáo Đại thừa. Trong Giáo Đại thừa lại có hai thứ:

1. Tự nói Đại thừa, tức Đại phẩm giao phó tài vật nên nói việc này.

2. Vì căn cơ khác mà giáo: các Phương Đẳng giáo Từ Đại phẩm về sau, Chư Phật và Bồ-tát vì người Tiểu thừa mà nói Đại thừa. Hai thứ giáo này gọi là Thâm nói Đại thừa, đến Pháp Hoa gọi là hiển giáo đại pháp cho người tu Tiểu thừa.

Năm cặp mười giáo này đều hiện có trong văn phẩm Tín Giải.

Hỏi: Đại phẩm... chỉ là Tiệm nói Đại thừa cũng là Đốn giáo hay sao?

Đáp: Gồm có bốn câu:

1. Đốn mà chẳng phải Tiệm, lúc mới thành đạo vì các Bồ-tát nói giáo Hoa Nghiêm.

2. Tiệm mà chẳng phải Đốn, nghĩa là trời, người và người của giáo Nhị thừa.

3. Cũng Tiệm cũng Đốn, tức là giáo của Đại Phẩm. Vì Bồ-tát nói Đại Phẩm, Đại Phẩm đối với Bồ-tát là Đốn, vì trong Đại Phẩm nói đủ tất cả pháp Đại thừa.

Phẩm Tín Giải chép: Đức Phật dạy chúng ta nói Đạo Tối Thượng Thừa, người nào tu tập pháp này sẽ được thành Phật, nên gọi là Đốn, mà sai người Tiểu thừa nói về pháp Đại thừa, là vì phương tiện nhập nhất thừa, đối với người Tiểu thừa gọi là Tiệm.

4. Chẳng phải Tiệm chẳng phải Đốn: Ba câu trên đều là giáo môn. Nhờ giáo môn này mà hiển bày đạo vô ngôn, không thể bàn luận về Tiệm Đốn ấy.

V. Nói môn hiển Mật lại chia ra bốn pháp:

1. Căn cứ chung các kinh luận nói hiển mật.

2. Nêu riêng Đại phẩm đối với Pháp Hoa nói về hiển mật.

3. Căn cứ Pháp Hoa bên trong tự luận hiển mật.

4. Phân biệt. Nói chung kinh luận hiển mật, là nói sự giáo hóa một đời gồm có bốn môn:

1. Bồ-tát Hiển giáo không thâm giáo hóa Thanh văn, tức giáo Hoa Nghiêm. Người đại cơ đã thuần thực cho nên hiển giáo đó. Ít khả năng chưa thể kham nhận không nên giáo hóa mật, nên bày ra đồ quý báu chính là tông thân. Cùng Tử ngã lặn ra đất nên chưa thể trao châu báu.

2. Thanh văn Hiển giáo không thâm giáo hóa Bồ-tát, tức là ba Tạng giáo. Dẫn dụ đất về chính là vì người Nhị thừa, lại sai người khác tức không mật hóa Bồ-tát.

3. Bồ-tát Hiển giáo , mật hóa Thanh văn tức giáo Bát-nhã. Cõi nghiêm tịnh hóa người chánh là giáo Đại sĩ, giao phó tài mạng nói mật hóa tiểu tâm.

4. Bồ-tát Hiển giáo hiển hóa Thanh văn tức giáo Pháp Hoa.

Đại sĩ trừ nghi nên là Bồ-tát hiển giáo, La-hán thành Phật tức hiển hóa Thanh văn, bốn môn này tức là thứ lớp. Ba câu thuộc về Bồ-tát tạng, hiển giáo Thanh văn không mật hóa Bồ-tát thuộc về ba tạng giáo. Nhưng Đại phẩm Hoa Nghiêm và dùng ba tạng đương giáo nói về nghĩa chỉ có một lối. Pháp Hoa kết gom trước sau này cho nên đầy đủ bốn môn.

Hỏi: Nếu Hoa Nghiêm chỉ hiển giáo Bồ-tát không mật hóa Thanh văn, thì chỉ nên nói về Đại pháp, vì sao cũng nói Tiểu thừa? Như phẩm Hiền Thủ chép: hoặc nói Tiểu thừa của Thanh văn, hoặc nói môn Trung Thừa của Duyên giác, hoặc nói Đại thừa môn Vô Thượng, cho đến phẩm Tánh Khởi trong đó nói đủ giáo của năm thừa. Vì sao ?

Đáp: Vì bàn về giáo hóa một lại có bốn môn chánh phụ:

1. Chánh hiển bày chân thật phụ mở ra phương tiện là giáo Hoa Nghiêm. Vì các Bồ-tát nói nhân quả rất ráo nên chánh là hiển bày chân thật. Phạm làm Bồ-tát ắt phải giáo hóa chúng sinh, cũng khiến đại sĩ biết ba thừa là quyền, nên phụ mở ra phương tiện.

2. Chánh đóng phương tiện chánh ẩn chân thật, tức ba Tạng giáo vậy. Không nói ba thừa là quyền nên chánh là đóng cửa phương tiện, không làm rõ chỉ có một thừa cho nên chánh ẩn chân thật.

3. Chánh là hiển bày chân thật, phụ đóng phương tiện thì các giáo Bát-nhã nói rõ ráo Đại thừa nên chánh hiển bày chân thật, chưa khai ba thừa là quyền nên phụ đóng phương tiện.

4. Chánh khai phương tiện, chánh hiển bày chân thật, tức là giáo của Pháp Hoa, để hiển rõ ba thừa là quyền nên chánh là mở phương tiện, nói rõ chỉ có nhất thừa nên chánh hiển bày là chân thật.

Hỏi: Pháp Hoa nói ba thừa là quyền, có thể hiển bày nhất thừa là chân thật. Trong Đại phẩm chưa hiển bày ba thừa là quyền, làm sao hiển được nhất thừa là chân thật?

Đáp: Pháp Hoa đối với quyền hiển thật, Đại Phẩm nói rõ Nhị thừa là kém Đại thừa là hơn, nên cho rằng Đại thừa làm chân thật.

Hỏi: Văn nào nói về được Pháp Hoa và Đại phẩm đã nói là chân thật?

Đáp: Phẩm Tín Giải chép: Tất cả Tất cả tạng bí mật của Chư Phật kia chỉ vì Bồ-tát nói sự thật kia mà không vì ta nói chân thật đây, cho

nên biết Đại phẩm đã hiển bày chân thật. Lại Đại phẩm tự vì Bồ-tát mà nói, hiển Phật thừa là chân thật, chưa vì Thanh văn nói Phật thừa, không nói rõ ba thừa là phương tiện, Pháp Hoa chánh là vì người Thanh văn nói Phật thừa là chân thật nên mở ra ba thừa là phương tiện.

Hỏi: Nếu Đại phẩm nói Tiểu thừa là kém Đại thừa là hơn tên đã hiển bày chân thật, giáo của ba tạng cũng nói rõ Nhị thừa là kém Đại thừa là hơn, lẽ ra cũng đã hiển Phật thừa là chân thật?

Đáp: Đại phẩm... giáo chánh nói rõ Đại thừa, phụ nói đến Tiểu thừa, cho nên chánh hiển bày chân thật. Giáo của ba tạng chánh nói Tiểu thừa phụ nói đến Phật thừa, nên không chánh hiển bày chân thật. Lại giáo trong Đại phẩm nói rõ đầy đủ Phật thừa nên chánh hiển bày chân thật.

Giáo của ba tạng tuy nói rõ Phật thừa còn là lời nó ẩn ý, cho nên không chánh hiển bày chân thật. Vì sao biết như vậy? Như ba tạng giáo nói Vương cung thật sinh ở Song lâm thật diệt trừ phàm đặc Thánh thành đạo ở Thọ Vương.

Cho nên trong Pháp Hoa chép: Trưởng giả bỏ y phục châu báu mặc áo thô xấu, dùng phương tiện này được gần người con. Đây là trong ba tạng giáo Phật nói rõ phương tiện, nên biết rõ Tiểu giáo tuy hiển bày Phật thừa là cao quý nhưng vẫn hiển bày chân thật. Đây là bốn môn có chánh và phụ, ba câu thuộc về tạng Bồ-tát. Chánh đống phương tiện chánh ẩn chân thật thuộc tạng Thanh văn. Các Kinh đương giáo nói rõ nghĩa chỉ có một môn, Pháp Hoa kết gom trước sau đầy đủ bốn câu, đây đều là một đường, dựa theo y phẩm Tín Giải mà phân xét, các kinh có văn khác cũng có nghĩa riêng.

Hai là: Đại phẩm đối với Pháp Hoa nói về hiển mật.

Hỏi: Luận Trí Độ quyển thứ một trăm nói “Bát-nhã chẳng phải pháp bí mật nên phó chúc cho Thanh văn. Pháp Hoa là pháp bí mật nên phó chúc cho Bồ-tát. Vì sao gọi là bí mật?

Đáp: Bí mật không bí mật có hai môn:

1. Dùng Đại thừa làm bí mật, Tiểu thừa chẳng phải bí mật, Đại thừa rất sâu xa không vọng truyền trao nên gọi là bí mật, Tiểu thừa hiển cận có thể tùy nghi mà nói nên không phải bí mật.

Như Luận Trí Độ chép: Làm rõ giáo trong đó nói La-hán dứt phiền não được thanh tịnh, Bồ-tát chưa dứt phiền não nên không thanh tịnh, trong pháp bí mật nói các Bồ-tát đắc Vô Sinh nhẫn đủ sáu món thần thông vượt trên người Nhị thừa nên Bồ-tát thanh tịnh. Đây tức Tiểu thừa hiển cận nên không phải bí mật, Đại thừa rất sâu xa nên gọi là bí

mật.

2. Y theo Đại thừa lại có bí mật, không bí mật. Như trong Đại Luận quyển thứ một trăm chép: Bát-nhã không nói La-hán thành Phật nên không phải bí mật, trong Pháp Hoa nói La-hán thành Phật cho nên là bí mật.

Hỏi: Trong Pháp Hoa nói La-hán thành Phật, vì sao là bí mật? Trong Bát-nhã không nói La-hán thành Phật, vì sao không phải bí mật?

Đáp: Pháp Hoa nói La-hán thành Phật nghĩa rất sâu khó hiểu cho nên là bí mật, Bát-nhã nói Bồ-tát thành Phật nghĩa ấy dễ hiểu nên không phải mật. Nên trong Luận Trí Độ chép: La-hán thành Phật đến thời Phật mới hiểu. Luận nghĩa rất sâu tức chánh có thể luận về việc khác. Ngài Long Thọ đã chép: Chưa hiểu đến thời Phật mới hiểu, nên biết La-hán thành Phật, nghĩa ấy rất sâu khó hiểu. Phẩm hiện bịnh trong kinh Niết-bàn có kệ rằng:

*“Như Phật đã nói A-la-hán
Tất cả đều sẽ đến Niết-bàn.
Hành xử của Phật sâu như thế
Phàm phu thấp kém không thể biết”.*

Cho nên biết La-hán thành Phật là khó hiểu.

Hỏi: La-hán thành Phật vì sao khó hiểu?

Đáp: So với giáo xưa mà nói thì gọi là khó hiểu, do giáo xưa nói La-hán phiền não đã hết không sinh trở lại, như bỏ vỡ trấu vô minh cho nên trong nhân đời sau không sinh trở lại. Nay giáo hiểu rõ La-hán thành Phật, nên đối với giáo xưa gọi là khó hiểu.

Hỏi: Giáo xưa đối với ai là khó hiểu?

Đáp: Chánh đối với người Thanh văn là khó hiểu.

Cho nên Luận chép: Thầy thuốc giỏi (Đại thừa) có thể dùng chất độc làm thuốc. Thầy thuốc dở (Tiểu thừa) không thể dùng chất độc để làm thuốc, Bồ-tát có thể hiểu người Nhị thừa thành Phật, như dụng độc làm thuốc. Cho nên trong kinh Pháp Hoa phó chúc cho Bồ-tát. Thanh văn chỉ hiểu được Bồ-tát thành Phật, như hiểu dụng thuốc làm thuốc. Kinh Bát-nhã phó chúc người Thanh văn mà không giải rõ người Nhị thừa thành Phật, như không hiểu dụng độc làm thuốc. Trong kinh Pháp Hoa không phó chúc cho người Thanh văn, nên Pháp Hoa đối với người Thanh văn là khó hiểu.

Hỏi: Kinh Bát-nhã chỉ nói Bồ-tát thành Phật, chưa nói người Nhị thừa thành Phật, tức giáo Bát-nhã kém, kinh Pháp Hoa nói rõ Bồ-tát

thành Phật lại người Nhị thừa cũng thành Phật, tức kinh Pháp Hoa hơn, sao biết được như vậy? Vì Luận Trí Độ phẩm Thích Vấn Thừa nêu mười đại kinh. Kinh Pháp Vân, kinh Đại Vân, kinh Pháp Hoa, trong các kinh như vậy thì Bát-nhã là nhất, đã khen ngợi là nhất, thì Pháp Hoa là kém, tức thứ lớp trái nhau, làm sao hiểu được?

Đáp: Pháp Hoa, Bát-nhã đều có hơn kém lẫn nhau. Nếu vì người Thanh văn nói Nhị thừa thành Phật, thì Pháp Hoa hơn Bát-nhã kém. Nếu vì hàng Bồ-tát nói thật tuệ, phương tiện thì Bát-nhã hơn Pháp Hoa kém. Vì sao? Vì Kinh Bát-nhã sáu mươi sáu phẩm nói về thật tuệ, từ phẩm Vô Tận trở đi hai mươi bốn phẩm nói Phương tiện tuệ. Hai tuệ đây là cha mẹ pháp thân của Chư Phật mười phương ba đời. Nên trong kinh Tịnh Danh chép: Trí độ Bồ-tát là mẹ, phương tiện là cha, tất cả các đạo sư đều từ đây sinh. Đã nói rộng cha mẹ pháp thân, nên ở trong tất cả kinh Phương Đẳng rất là sâu lớn, kinh khác không chính nói nghĩa này, nên không bì kịp Bát-nhã. Lại Bát-nhã nói rộng rõ thật tướng, nên ở trong các kinh là sâu lớn lớn, sở dĩ như vậy là vì người ba thừa đặc đạo cho đến dứt hoặc, sám hối tội nặng, ba nghĩa này đều nương thật tướng, mà Bát-nhã chính nói rộng thật tướng, nên ba nghĩa được thành, kinh khác không chính nói rõ thật, tướng nên thua kém Bát-nhã. Vì thế hai kinh đều có hơn kém lẫn nhau. Cho nên Ngài Long Thọ trước sau chỉ có hai văn hai giải thích ý này.

Hỏi: Giải thích ý này xuất xứ từ đâu?

Đáp: Từ bài tựa Tiểu Phẩm của Pháp sư Tăng Duệ chép: hai kinh Bát-nhã, Pháp hoa đều có nghĩa hơn kém. lẫn nhau Pháp Hoa là gương vốn dùng để ngưng chiếu, Bát-nhã thấu ngọn để hiểu lý xa; hiểu lý xa là hướng đến đạo Bồ-tát, gương ngưng chiếu vốn kết thúc cuối cùng, tuy cuối cùng mà không dứt, nên trở về đường hẹp hoang vắng có dấu vết ngôi Tam Bảo. Tuệ quyền không khéo thì rối loạn lằng xằng, mê hoặc rẽ theo lối khác. Bởi thế. Pháp Hoa, Bát-nhã đối đãi nhau để hện phần kết thúc. Phương tiện, thật tuệ thông suốt thành một để luận về chỗ tận cùng, lý cùng tánh tận để khéo nói muôn hạnh cho nên thật tuệ chẳng bằng chiếu, lấy Đại thừa nói về chân, hóa giải vốn không có ba thừa, cho nên chiếu không bằng thật. Chiếu là Bát-nhã, thật thì ở Pháp Hoa, nên đều có hơn kém nhau.

Hỏi: Nếu hai kinh có hơn kém nhau, vì sao Luận Trí Độ nói Pháp hoa là tên gọi khác của Bát-nhã?

Đáp: Bát-nhã, Pháp Hoa đồng là đại tuệ bình đẳng chánh quán, hiển đạo không khác nên nói Pháp Hoa là tên gọi khác của Bát-nhã. Vì

thế Luận chép: Bát-nhã là một pháp mà Đức Phật nói nhiều thứ tên, tùy theo năng lực của chúng sinh vì họ đặt tên khác. Nay chỉ y theo giáo vì người nên có khác nhau. Giáo Bát-nhã nói Bồ-tát thẳng đến thành Phật, giáo Pháp Hoa nói bỏ Tiểu về Đại Bồ-tát thành Phật, tuy người không đồng mà thành Phật không khác. Như ông Trưởng giả có nhà lớn và bảy món châu báu trước sau không khác. Nhưng lúc giao phó tài mạng chưa được nói cùng tử là con của Trưởng giả. Khi phó chúc gia nghiệp mới được gom thiên tánh ấy để giao phó cho con.

Hỏi: Trong Bát-nhã chưa nói Nhị thừa thành Phật, có được gọi là giáo bất liễu nghĩa hay không?

Đáp: Bát-nhã nói Bồ-tát thành Phật, việc này rõ ràng. Lúc ấy, căn cơ Đại thừa chưa thuần thực nên không được nói Nhị thừa thành Phật, nếu nói theo một chiều, cũng được gọi là bất liễu nghĩa.

Hỏi: Như vậy Luận sao được giải thích phẩm Tát Định rằng: Ngài Tu bồ đề nghe kinh Pháp Hoa hiểu được tất cả đều thành Phật, lại nghe Bát-nhã nói Bồ-tát có lui sụt. Thế nên nay hỏi Phật là tất định hay là không tất định? Đây là ý xét hỏi sự đồng khác của hai kinh.

Đức Phật đáp: Bồ-tát tất định, tất định là tất định thành Phật. Đã nói rõ tất định thành Phật, thì chỉ có một Phật thừa, không lui sụt làm Thanh văn thì hiển rõ không có hai thừa, ý này nói rõ Bát-nhã đồng với giáo Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao nói Bát-nhã chưa nói Nhị thừa thành Phật?

Đáp: Trước đã nói chung, Bát-nhã chẳng phải một thời một tòa mà nói, phần đầu chưa nói Nhị thừa thành Phật, nên khác với Pháp Hoa. Phần sau nói Bồ-tát không lui sụt tức tức nói lên có một không có hai thừa, rất đồng với Pháp Hoa, nên không trái nhau.

Ba là căn cứ Pháp Hoa tự luận hiển mật.

Hỏi: Nếu Pháp Hoa hiển giáo Bồ-tát, hiển hóa người Nhị thừa, thì Pháp Hoa là giáo rõ ràng, trước sau không nên chỉ tướng mà nói. Như vậy phẩm Hóa Thành nói ba ngàn điểm mực vẫn là vị Vương Tử Sa-di. Phẩm Thọ Lượng chép: Năm trăm muôn ức a-tăng-kỳ thế giới tán nhỏ làm cát bụi, từ thành Phật đến nay lại vượt hơn số đó, thì Thọ Lượng Đức Phật là lời nói rõ ràng. Mười sáu vị vương tử là che tướng mà nói, sao lại cho rằng một bộ đều là hiển giáo?

Đáp: Hễ lập giáo ẩn hiển phải có sửa đổi trước sau. Nay y theo một bộ kinh phần lớn có bốn lối:

1. Che mà không khai.
2. Vừa che vừa khai.

3. Khai mà không che.
4. Không khai không che.

Che mà không khai là một phẩm nói điếm lành cũng hưng khởi xe pháp mầu sắp để chuyển mà chưa hiểu rõ hai quyền, cũng ẩn hai thật: là che mà không khai. Cũng khai cũng che. Là bắt đầu từ phẩm Phương Tiện, cuối cùng đến hết phẩm Pháp sư nói về thừa quyền thừa thật, đó gọi là cũng khai, mà còn ẩn thân quyền thân thật, nên gọi là cũng che. Cho nên ba ngàn điểm mực bắt đầu khai, bắt đầu khai bắt đầu kết duyên, mười sáu vị Sa-di kia cũng là bắt đầu nên ẩn thành Phật. Khai mà không che, tức phần kinh sau. Đều bỏ hai quyền đều hiển hai thật, giáo không mảy may ẩn lý không chút mơ hồ dẫn đến thành tựu mười hai lợi ích sâu dày, hiện tám điếm lành. Không khai không che là mượn một để phá ba, trừ ba rồi bỏ một, nhờ dài mà bác bỏ ngắn, ngắn dứt dài cũng mất, cho nên cùng tận ngôn từ, dứt bật nghĩ suy, đâu có thật quyền mà chính là bốn tánh vắng lặng, làm gì có khai che lý, vượt ngoài ngôn ngữ tạm gọi là với pháp mầu đạo huyền giống như tiêu biểu nên giả dụ là hoa sen .

Bốn là: Phân biệt hiển mật.

Hỏi: Tiểu thừa cũng là thâm nói nhất thừa chăng?

Đáp: Phật nói Tiểu thừa ý ngộ ở Đại thừa, nên nói Tiểu thừa cũng là thâm nói nhất thừa.

Hỏi: Tiểu thừa căn cứ văn nào được thâm nói nhất thừa?

Đáp: Như nói hàng ba thừa đồng được nhân vô ngã đồng, dứt phiền não đồng vào Vô dư, tức là thâm nói ba thừa đồng về một đạo.

Hỏi: Trong Đại phẩm nói chỉ có giáo phó tài vật, là thâm nói nhất thừa, còn có nghĩa nào khác không?

Đáp: Trong kinh Đại phẩm nói người ba thừa đồng là một như đồng nhập pháp tánh, tức là thâm nói ba thừa đồng nhập vào nhất thừa.

Hỏi: Hiển nói nhất thừa vì người nào?

Đáp: Vì ba hạng người:

1. Thanh văn căn tánh Bất định khiến vào nhất thừa.
2. Vì Thanh văn đã luyện định căn tánh khiến cho nhập vào nhất thừa.
3. Vì Bồ-tát thẳng đến khiến cho họ biết có một thừa không có ba thừa chỉ có tiến mà không có lui.

VI. Nói về nghĩa ba và một. Kinh này trước sau luận về ba thừa và nhất thừa chia, gom gồm có mười môn:

1. Bỏ ba bày một

2. Gom ba về một
3. Bỏ ba lập một
4. Phá ba nói một
5. Che ba bày một
6. Trước ba nói một
7. Trong ba nói một
8. Sau ba nói một
9. Dứt ba nói một
10. Không ba biện một

Bỏ ba bày một, là xưa chia ra ba thừa là phương tiện, chỉ bày nay nhất thừa là chân thật, nên nói bỏ ba bày một.

Gom ba về một. Là gom ba thừa kia về nhất Phật thừa, nên nói sở hành của các ông là đạo Bồ-tát.

Bỏ ba lập một. Là bỏ ba giáo xưa lập nhất thừa nay, nên nói trong các Bồ-tát, ngay thẳng bỏ phương tiện chỉ nói đạo vô thượng.

Phá ba nói một. Là phá tính chấp ba thừa khác nhau để nói đạo nhất thừa. Văn kinh chép: Chỉ có pháp nhất thừa không có ba.

Che ba bày một. Đức Như lai ứng phó hai duyên ba và một thường có giáo của ba và một, xưa dùng ba, che một, nay thì dùng một che ba.

Ba thừa trước nói rõ một thừa. Chưa đến vườn Lộc uyển trước nói ba thừa, vắng lặng đạo tràng rồi nói rõ giáo nhất thật, nghĩa là nói ba thừa trước, rồi nói một thừa.

Trong ba thừa nói về một thừa. Bắt đầu đến vườn Nai nói ba thừa Phật thừa thứ nhất, Duyên giác thứ hai, Thanh văn thứ ba, nghĩa là trong ba nói một.

Sau ba thừa nói một thừa. Sau ba thừa giáo môn Pháp Hoa để gom ba thừa kia đồng về một đạo, nghĩa là sau ba thừa nói một.

Dứt ba nói một, như không nói thế giới, ngoài thì không nói không chỉ bày, trong thì không suy nghĩ không biết, cho nên không nói một và ba, tức lấy đây thành Phật sự nên lại là một nên nói dứt một.

Không có ba thừa nói một thừa. Như Bồ-tát Hương Tích nói cõi kia không có danh từ Nhị thừa nghĩa là không có ba nói một, chỉ có chúng đại Bồ-tát thanh tịnh, gọi là có một vậy. Năm thứ trước y cứ nghĩa mà luận một, năm thứ sau y theo thời xứ văn trước không đồng giáo môn có khác nhau, nên chia ra có năm.

Hỏi: Sao gọi là gom ba về một?

Đáp: Muốn biết gom ba về một, trước phải biết chia một thành ba.

Chia một thành ba. Xưa chỉ nhân Đại thừa nói thành quả tốt ráo của Tiểu thừa, nay chỉ quả tốt ráo của Tiểu thừa, tức là nhân Đại thừa, nên nói gom ba về một.

Hỏi: Người Tiểu thừa gọi là tốt ráo, đây là mê nhân hay là mê quả?

Đáp: Thực sự là nhân Đại mà cho là quả Tiểu nên thuộc về mê nhân.

Hỏi: Một và ba có mười câu này, xa gần cũng có mười môn phải không?

Đáp: Như văn số trong phẩm Thọ Lượng đã nói.

Hỏi: Nay nói nhất thừa là một trong ba thừa hay ngoài ba thừa có một thừa?

Đáp: Kinh này trước sau có đủ hai nghĩa:

Thứ nhất, Cũng là một trong ba, vì sao? Vì Phật nói năm thừa là thâm nhiếp hết nghĩa thừa, thừa trời, người thì nhiếp về thế gian thừa, ba thừa thuộc về thừa xuất thế gian, như vậy thì nhất thừa cũng là Phật thừa trong ba thừa. Cho nên văn chép: Trong cõi Phật mười phương, chỉ có pháp nhất thừa không hai cũng không ba, ở đây dùng một, hai, ba làm số đếm, dùng nhất thừa làm một, Duyên giác là hai, Thanh văn là ba, thì biết nhất thừa cũng là một trong ba. Lại văn nói chỉ dùng nhất thừa vì chúng sinh nói pháp, lại không có thừa khác hoặc hai hoặc ba. Đây là nói dùng Phật thừa là một, Thanh văn Duyên giác là hai vì thừa khác nên văn sau chép: “Lại sai người khác” thì biết người khác thuộc về Nhị thừa. Đã nói không có thừa khác thì không có Duyên giác thứ hai Thanh văn thứ ba, nên biết Phật thừa cũng là một trong ba, văn này nêu bày rất nhiều không nêu nghi ngờ.

Thứ hai, Nhất thừa chẳng phải một trong ba như trong phẩm Tín Giải chép: Trưởng giả dùng năng lực phương tiện thâm sai hai người, tức dùng Nhị thừa làm phương tiện, bỏ y phục châu báu mặc áo thô xấu, phương tiện gần gũi người con bảo nên siêng làm, tức Phật thừa cũng là phương tiện, thì biết ba thừa đều là phương tiện. Nay nói rõ nhất thừa là chân thật, nên biết nhất thừa chẳng phải là Phật thừa trong ba thừa.

Hỏi: Vì sao nói nhất thừa là Phật thừa trong ba thừa, lại vì sao nói nhất thừa chẳng phải là Phật thừa trong ba thừa?

Đáp: Muốn nói ba thừa đều thuộc về thừa xuất thế gian, đối với phương tiện của Nhị thừa nói rõ Phật thừa là chân thật, nên văn chép: Chỉ có một sự thật này hai thứ khác chẳng phải chân, nên nói nhất thừa là một trong ba thừa. Căn cứ trong Phật thừa lại tự khai Chân thân, Ứng

thân, xưa vì người Nhị thừa Phật nói thân phương tiện nên Phật thừa là thân phương tiện, tức lấy giáo nay nói thân Phật là chân thật, thừa chân thật khác phương tiện Phật. Như Trưởng giả ngồi ghế sư tử khác với Trưởng giả mặc áo thô xấu. Do xét theo hai giáo xưa nay mà nói Phật có quyền thật không đồng, thế nên nhất thừa chẳng phải một trong ba thừa.

Hỏi: Từ đầu đến cuối kinh này hoặc nói Phật dùng năng lực phương tiện chỉ bày dùng giáo ba thừa tức ba thừa đều là phương tiện. Lại nói chỉ có một sự thật, ngoài một sự thật này chẳng phải chân thật, đây là hai môn phương tiện, hai vẫn trái nhau, lấy gì thông gom?

Đáp: Hai vẫn này là một nghĩa không trái nhau. Đối với một Phật thừa phương tiện nói ba. Kế nói nhất thừa là chân thật Nhị thừa là phương tiện, như trong tay người thật có một quả phương tiện nói ba quả. Xét theo thứ lớp một quả là thật, hai quả kia là phương tiện. Cho nên nói ba thừa, hai thừa đều là phương tiện, vẫn là một nghĩa không trái nhau.

Hỏi: Vì gom ba về một, hay gom hai về một?

Đáp: Đây cũng là một nghĩa. Trong Luận Trí Độ chép: Đối với nhất Phật thừa chia làm ba phần, như người phân một đấu gạo thành ba phần, cũng được hợp ba phần thành một phần, cũng được gom hai phần về một phần, gom hai gom ba cũng là một nghĩa không trái nhau.

VII. Nói về công dụng.

Hỏi: Vì sao thọ trì đọc tụng chi chép: giải thích cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi, tiêu dứt chướng lụy bên trong điềm lành hiện bên ngoài?

Đáp: Xưa có Pháp sư Tăng Bạt ở Thiên Trúc chép: Kinh này có ba nghĩa cho nên hơn các kinh khác.

1. Các kinh không diệt ba thành một, kinh này mất ba còn một.
2. Người trì: Hiện thời được sáu căn thanh tịnh.
3. Ngài Phổ Hiền và các Bồ-tát cõi voi trắng sáu ngà đến hộ trì người hoằng thông pháp nên chướng lụy bên trong tiêu dứt điềm lành hiện bên ngoài. Nay nói không ngừng có ba việc này đây. Kinh này là thật thể của các kinh, là tàng bí mật của Chư Phật, giải thích Đại Tiểu bao gồm hết xưa và nay, lý rất sâu xa vượt ngoài bốn câu, có mười việc kỳ đặc vượt ngoài các kinh.

Nói mười việc là:

Thứ nhất, Hóa chủ không thể nghĩ bàn, kinh khác hoặc Phật Thích-ca tự nói hoặc bốn Đức Phật cùng bàn, còn như Pháp Hoa mười phương

phân thân đều đến pháp gom, ba đời Đẳng giác đồng đến núi Thứu, vì thế văn chép: Mỗi phương có bốn trăm muôn ức na do tha cõi nước Chư Phật Như lai khắp đủ trong ấy. Như vậy Chư Phật mười phương thấy đều đến nhóm hợp ngồi ở tám phương, đây gọi là đức Phật hiện tại nhóm hợp, Đức Phật Đa Bảo xuất hiện gọi là Đức Phật quá khứ nhóm hợp, hiện tại có Phật mười phương, thời quá khứ chỉ nói Phật Đa Bảo. Luận Pháp Hoa chép: Đây là dùng sơ lược để nhiếp rộng, nói về dụng của một Đức Phật, thu nhiếp dụng của tất cả Chư Phật quá khứ, tức cùng hiện tại rộng lược mà hiện lẫn nhau, các đại Bồ-tát đều gom hợp ở Linh Sơn, nghĩa là Phật đương lai nhóm hợp. Do Đẳng giác ba đời đồng đến Linh Sơn, các kinh Đại Tiểu chưa có kết tập đầy đủ như thế, nên nói là hóa chủ không thể nghĩ bàn.

Thứ hai, Đồ chúng không thể nghĩ bàn, các thế giới ở tám phương mỗi một phương có bốn trăm muôn ức na do tha cõi nước Chư Phật đều đem theo thị giả đến. Lại phương dưới có số Bồ-tát nhiều như cát bụi của ngàn thế giới từ đất vọt lên đây khắp hư không, cho đến cung rồng Sa Kiệt không thể nghĩ bàn, các Đại sĩ nhóm hợp ở núi Linh-thứu. Dù chúng thọ giáo ở vườn Nai, chim làm khách nghe kinh ở vườn cây cũng chưa nhiều như thế, nên nói đồ chúng không thể nghĩ bàn.

Thứ ba, Cõi nước không thể nghĩ bàn, linh tháp từ đất hiện lên khắp nơi nhóm hợp phân thân ba lần biến, tám phương đồng làm Tịnh Độ. Cho đến Phẩm Thần Lực chép: Lúc ấy, các thế giới ở mười phương thông suốt vô ngại như một cõi Phật, đến như các vị tiên ở trong phương vườn cách đây rất xa các lực sĩ bên sông cách đây cũng xa, đó là xứ sở không thể nghĩ bàn.

Thứ tư, Giáo môn không thể nghĩ bàn như Hoa Nghiêm Phương Quảng có mười muôn bài kệ. Kinh Ma-ha Bát-nhã số cũng đồng như thế, các kinh như thế còn cho là nhiều, còn như Đức Đại Thông Trí Thắng đã nói hằng hà sa bài kệ. Đức Phật Oai Âm Vương đã nói hai mươi ngàn muôn ức na do tha bài kệ, sở dĩ nói nhiều văn ấy, là ý muốn làm rõ nghĩa rộng kia, đó gọi là giáo môn không thể nghĩ bàn.

Thứ năm, Thời gian không thể nghĩ bàn. Đức Phật Đấng Minh nói kinh này suốt sáu mươi tiểu kiếp, Đức Phật Đại Thông nói suốt tám ngàn kiếp, Bồ-tát Diệu quang nói mười tiểu kiếp, mười sáu Sa Di nói tám ngàn bốn ngàn kiếp, Đức Phật Thích-ca lúc bấy giờ các Đại Sĩ từ đất hiện lên thăm hỏi trong thời gian năm mươi tiểu kiếp, khi nói kinh này không thể suy lường. Cho nên nói kinh thời gian dài, cũng là nói rõ văn nhiều, nghĩa rộng, đây là thời gian không thể nghĩ bàn.

Thứ sáu Thần lực không thể nghĩ bàn. Khi sắp khai nói Bát-nhã, Đức Thế Tôn xuất hiện riêng điềm lành, muống đỉnh trống vàng, bốn đơn vị cùng hiện điềm lành, chưa bằng kinh này mười phương phân thân cùng hiện bảy món thần lực đủ trăm ngàn ức năm rồi sau mới nhiếp thọ đó, đây là thần lực không thể nghĩ bàn.

Thứ bảy là Lợi ích không thể nghĩ bàn. Như trong phẩm Phân biệt Công Đức chép: Nghe kinh được mười hai lợi ích, ban đầu từ vô lượng hằng hà sa Bồ-tát ngộ vô sinh nhẫn, sau cùng thì xó số chúng sinh trong các thế giới nhiều như cát bụi của các thế giới tám phương phát tâm Bồ đề, như Điều đạt, Dược Vương, Diệu Âm, Quán Âm, Đà-la-ni, Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự, Phổ Hiền khuyến phát trình bày tám phẩm đặc đạo không thể nói hết, nghĩa là lợi ích không thể nghĩ bàn.

Từ đầu đến sau khen ngợi pháp và người có công đức vô lượng.

Thứ tám là công đức không thể nghĩ bàn). Như phẩm Tùy Hỷ đã chép: Người thứ năm mươi nghe một bài kệ tùy hỷ chuyển giáo, còn hơn bố thí bốn trăm muôn ức a-tăng-kỳ thế giới, chúng sinh sáu đường tất cả lạc cụ và khiến được quả A-la-hán, đây là công đức không thể nghĩ bàn.

Thứ chín là nói thừa quyền thừa thật không thể nghĩ bàn. Như Ba tạng giáo chỉ có nói về Tiểu thừa, các kinh Bát-nhã chỉ nói Đại thừa, chưa bằng Pháp Hoa nói thật về gốc, vắng lặng đường khác, khai một gom ba dung hợp giải thích Đại Tiểu, khiến cho dê nai không có, dứt phiên lụy cưỡi xe, trâu trắng có công thẳng tiến. Đây là thừa quyền, thừa thật không thể nghĩ bàn.

Thứ mười. Là Thân quyền thân thật không thể nghĩ bàn, kinh khác chỉ nói sinh thân Pháp thân, hoặc nói ba thân. Đến như Đức Phật Đa Bảo xuất hiện chỉ bày chân thường ứng diệt, phân thân khắp nơi nhóm hợp nói lên bốn một tích nhiều, gồm bỏ gần bày xa bao trùm xưa nay, khiến ngộ ứng cảm khó kỳ hện, biết dài ngắn không hai, khiến tâm Bồ đề vững chắc, mạnh mẽ niệm Phật Tam-muội gấp bội lại tăng thêm lợi ích. Đây là thân quyền thân thật không thể nghĩ bàn. Hai ý sau đều là đại tông của một kinh, tức để nói về tám ý trước, sở dĩ tám ý trước không thể nghĩ bàn là vì kinh này khai đủ hai quyền chỉ bày hai thật.

VIII. Nói về phương pháp hoằng kinh.

Hỏi: Xét thấy Như lai ra đời khéo léo giáo hóa người, Bồ-tát có bốn y mâu nhiệm khéo mở rộng kinh pháp, đời sau phàm phu làm thế nào hoằng kinh?

Đáp: Trong Phẩm Pháp sư chép: Sau khi Phật diệt độ nếu có người

thiện nam người thiện nữ nào muốn nói kinh này, phải an trụ trong ba pháp:

1. Vào nhà Như lai
2. Mặc áo Như lai
3. Ngồi tòa Như lai

Vào nhà Như lai là tâm đại từ đại bi. Y Như lai là tâm nhu hòa nhẫn nhục; tòa Như lai là tất cả pháp không. Đây đủ ba pháp này rồi sau tâm không biếng nhác vì bốn chúng nói pháp. Đức Phật đưa ra bốn phép tắc mâu nhiệm, thích hợp có thể nương theo đó, như từ bi có công dụng che chở, dụ như nhà. Nhu hòa nhẫn có công dụng ngăn che dụ như y, lý Không có thể để an tâm, làm tòa, rõ ràng ba môn này có thứ lớp. Cũng như đại bi cứu khổ đại từ ban vui. Đó đó là nhân lớn gieo trồng giống giác ngộ, là bốn ý của việc mở rộng đạo, muốn nói pháp mâu trước phải lập tâm này, nên thứ nhất nói rõ vào nhà Như lai. Đã ở đời cực ác muốn mở rộng đạo thiện cùng tốt, ắt gặp nhiều chướng nạn, phải thích nghi nhẫn chịu, nên tiếp thứ hai nói rõ mặc y Như lai. Tuy có từ bi che bên ngoài, hòa nhẫn an vui bên trong, mà chẳng có quán Không rõ suốt thì hai hành kia không thành, do đâu mà tỏ ngộ chúng sanh, thứ ba là nói ngồi tòa Như lai. Bên trong đủ ba tâm, bên ngoài siêng năng nói pháp, thì đạo không đâu không hưng thịnh người không đâu không được lợi ích, cho nên khiến an trụ ba pháp mở rộng kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao khởi tâm từ bi gọi là vào nhà Như lai?

Đáp: Phẩm Thí Dụ chép: Ta cũng như vậy, là bậc tôn trọng của các Thánh là cha của thế gian, tất cả chúng sinh đều là con ta, thì biết kinh này, nói rõ đạo cha con, cha thì có vui không khổ, con thì có khổ không vui. Nay lòng đại bi cứu khổ cho con, đại từ ban vui cho con, khiến tất cả chúng sinh đều thành Phật, nên nói kinh Pháp Hoa.

Đời mạt pháp Pháp sư thay Phật mở rộng kinh, cũng phải học hạnh Phật, cho nên từ bi gọi là nhà Như lai. Nếu vì lợi dưỡng, thế lực, danh tiếng hơn người mà giảng thuyết, thì không cứu khổ ban vui được, trái với ân tình cha con, chẳng phải mở rộng đạo Phật thừa.

Hỏi: Vì sao tâm nhu hòa nhẫn nhục gọi là mặc áo Như lai?

Đáp: Thí như trẻ con chưa có hiểu biết và bị quỷ dữ nhiễu loạn như hủy nhục cha, cha rất thương xót, lại hết lòng chữa bệnh cho con không khởi tâm sân, kinh này nói đạo cha con, tất cả chúng sinh sức quán chưa thành bị phiền não nhiễu loạn. Nếu hủy nhục Phật, Phật rất thương xót, dùng thuốc Pháp Hoa nhiệm mâu, hết lòng cứu chữa, không sinh sân hận. Đời sau Pháp sư thay Phật mở rộng kinh, cũng nên học đức

hòa nhẫn của Phật, nếu khởi sân hận lại trái với hạnh Phật, chẳng phải mở rộng Phật đạo. Chonên nhu hòa nhẫn gọi là y Như lai.

Hỏi: Phẩm Pháp sư nói kinh Pháp Hoa này, Đức Như lai hiện ở đời còn bị nhiều oán hận ganh ghét, huống gì sau khi Phật đã diệt độ. Vì sao khi nói kinh này phần nhiều gặp nạn?

Đáp: Người đời chép: thuốc hay thì đắng miệng, lời tốt thì trái tai, kinh này phế bỏ chấp năm thừa khác nhau lập huyền tông nhất thừa cùng tốt, cho nên chê phàm trách Thánh bỏ đại phá tiểu, chỉ loài thiên ma là trùng độc, nói ngoại đạo là ác quỷ, chê bai chấp tiểu là nghèo khổ, khuất phục Bồ-tát là tân học nên thiên ma ghét nghe, ngoại đạo chối tai, Nhị thừa run sợ, Bồ-tát khép nép, những chúng như thế ưa làm khó, thế gian nhiều lời ganh ghét, nay nói phẩm này đâu thể đối gạt? Lại tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, phần nhiều gây ra mười nghiệp ác, ít người có nhân trời, người, gây ra nhân trời, người, còn người mong cầu Nhị thừa lại càng hiếm. Người học Phật đạo lại càng khó được. Vì sao? Vì hoặc không khởi phàm kiến, Thánh kiến, bỏ tâm tiểu, phát tâm đại, gieo trồng gốc lành Trung đạo, rồi sau mới được nghe nhất thừa cực giáo. Nhưng chúng sinh đều có các chướng của phàm, Thánh, đại, tiểu, nghe nói nhất thừa không thể tin nhận nên ưa làm khó người mở rộng Kinh.

Hỏi: Vì sao biết tất cả pháp Không gọi là ngôi tòa Như lai?

Đáp: Quán không rốt ráo là để thành tựu hai hành và nói về tông chỉ chính của việc mở rộng kinh. Thành tựu hai hành tuy có từ bi, mà nếu chẳng có không quán, thì thấy có chúng sinh, chúng sinh thành duyên gọi là phàm phu tử. Nếu chẳng có quán Không thì thấy có các pháp thành ở pháp duyên, thành Nhị thừa tư, vì thế biết tất cả pháp Không, chẳng thấy có chúng sinh cho đến các pháp, mà khởi từ gọi là Vô duyên từ, tức là Như lai từ, cho nên dùng quán không rốt ráo để thành hạnh từ bi.

Nếu chẳng có quán Không mà khởi nhẫn, thì không thành

Vô Sinh nhẫn, cũng chẳng phải pháp nhẫn, do quán không rốt ráo mà khởi nhẫn, thì thành Vô Sinh Nhẫn cho đến pháp nhẫn, nên hòa nhẫn đây là Như lai nhẫn gọi là y Như lai.

Kế nói rõ quán không rốt ráo là mở mang đại tông của kinh. Nếu chẳng có quán Không thì phá ba mà chấp một, thô hoặc dù bỏ nhưng nhiễm vi tế sinh, do có không quán tuy tâm phá ba mà không nhiễm một gọi là vô sở đắc.

Lại trong phẩm Dược Thảo Dụ nói tướng Niết Bàn rốt ráo thương

lạc ngã tịnh cuối cùng trở về Không, tức biết Không là thể của các pháp. Xưa nói năm thừa là từ thể khởi dụng, nay gom năm thành một thì nhiếp dụng trở về thể, nên nói rốt cuộc về Không, là thể của các pháp. Nay đã mở rộng pháp thì phải biết thể ấy, biết thể thì biết dụng, thể dụng đầy đủ mới có thể mở rộng kinh. Lại còn nói rõ ba pháp. Hễ làm Pháp sư phải đủ ba việc:

1. Vào giảng đường
2. Mặc pháp phục
3. Lên tòa cao

Nếu không có từ bi thì không vào giảng đường, tâm không hòa nhẫn thì không mặc pháp phục. Nếu chẳng có quán Không thì không lên tòa cao, nếu thiếu ba việc này thì đâu thể mở rộng kinh. Nói pháp đã đủ ba việc này, thọ trì đọc tụng vv... nhẫn đến bốn oai nghi ba nghiệp đều phải an trụ ba việc này, đều hợp với ba môn này để làm hai nghĩa thành mười hạng Pháp sư:

1. Từ bi, nhẫn nhục gọi là hạnh, quán Không rốt ráo là giải, nghĩa là Giải Hạnh Pháp sư. Nếu có giải mà không hạnh, có hạnh mà không giải, không hạnh không giải, có hạnh có giải, thì ba thứ trước có thể làm đệ tử, một loại sau mới là Pháp sư.

2. Từ nhẫn là phước đức. Quán Không là trí tuệ là Phước tuệ Pháp sư. Thế nên trong kinh chép: Đủ hai món trang nghiêm có thể hỏi có thể đáp.

3. Kinh Đại Phẩm chép: trụ ở hai pháp mà không thể hoại:

- Biết tất cả pháp không
- Không bỏ tất cả chúng sinh.

Nếu thấy có chúng sinh mà chẳng biết các pháp Không, thì rơi vào bên hữu, bị ma phá hoại. Nếu biết các pháp bên Không mà bỏ chúng sinh thì rơi vào bên Không, cũng bị ma làm hại. Nay đủ hai pháp, thì xa lìa hai bên thường hành Trung đạo, thì ma không thể hại, có thể ở đời sau vì chúng sanh mở rộng kinh, nghĩa là Pháp sư khó hại.

4. Trong kinh Tịnh Danh chép: Thí như chiến thắng kẻ thù mới gọi là dũng, cũng vậy trừ sạch già bệnh chết là tâm Bồ-tát, do tu quán Không đó gọi là tự hành, từ bi hòa nhẫn đó gọi là hóa tha, đủ tự hành hóa tha gọi là Pháp sư hùng dũng.

5. Biết các pháp Không vượt qua địa phàm phu, đầy đủ từ nhẫn vượt qua cảnh Nhị thừa, chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh Hiền Thánh, là hạnh Bồ-tát gọi là Pháp sư đạo hạnh.

6. Trong kinh Đại phẩm chép: Bồ-tát trụ ở hai Đấng cho chúng sinh

nói pháp, nghe thường hành từ bi nhẫn trụ ở Thế đế, biết không rốt ráo trụ ở nghĩa bậc nhất, do nương hai đế vì chúng sanh mở rộng kinh, nên nói không luống dối, gọi là Pháp sư thành đế.

7. Luận Trí Độ chép: Hiểu bốn Tất-đàn thì biết mười hai bộ kinh, tám muôn bốn ngàn pháp tạng không trái nhau. Nay thường hành từ bi nhẫn gọi là ba Tất-đàn, biết Không rốt ráo là bậc nhất nghĩa là bậc nhất nghĩa Tất-đàn, vì chúng sanh mở rộng kinh thì biết tất cả giáo không chống trái nhau, gọi là Pháp sư vô tránh.

8. Tức kinh này chép: “Lại thấy Phật tử định tuệ đầy đủ, dùng vô lượng dụ giảng pháp cho chúng sanh nghe”. Thường hành từ bi nhẫn gọi là định, biết Không rốt ráo gọi là tuệ, do đầy đủ định tuệ vì chúng sanh mở rộng kinh, gọi là Pháp sư đầy đủ.

9. Kinh này chép: “Lại thấy tâm Phật tử không chấp trước, dùng diệu tuệ đầy mà cầu Phật đạo”. Do quán Không rốt ráo nên chẳng chấp sinh tử, thường hành từ bi nên không trụ Niết-bàn, đối với sinh tử Niết-bàn tâm không chấp trước, gọi là Pháp sư không chấp trước.

10. Luận Nhiếp Đại thừa chép: “Biết các pháp không gọi là Bồ-tát, thường hành từ bi nhẫn là Ma-ha Tát, gọi là Pháp sư Bồ-tát Ma-ha-tát.

Lại phẩm An Lạc chép: Nói về bốn hạnh cũng chỉ bày phép tắc mở rộng kinh, đủ như văn sơ thuật lại .

IX. Nói bộ bốn không đồng: Kinh này có hai bản mới và cũ. Bản cũ gọi là Chánh Pháp Hoa. Ở Đôn Hoàng có Sa-môn Trúc Pháp Hộ vào niên hiệu Thái Khang năm thứ bảy đời Tấn, hoặc có người nói ngày mười tháng tám năm thứ mười dịch ra kinh này truyền trao cho Ưu-bà-tắc nhiếp Thừa Viễn. Ngày hai tháng chín dịch xong, Trương Sĩ Minh, Trương Trung Chính biên chép. Bốn mới tên là Diệu pháp Liên Hoa, ngài La-thập dịch ra ở chùa Đại Trường An vào ngày sáu tháng hai niên hiệu Hoàng Thỉ năm thứ mười, Diêu Hưng đời Ngụy Tần, cũng nói vào ngày hai mươi ba tháng tư năm thứ năm niên hiệu Hoàng Thỉ ở vườn Tiêu Diêu dịch ra, tức thời Tấn An Đế, hai Pháp sư Quán và Duệ đều chép: Hoàng Thỉ Năm thứ tám niên hiệu tập hợp, các Sa-môn nghĩa học ở bốn phương hơn hai ngàn vị dịch ra kinh này.

Pháp sư Duệ chép: Lúc ấy nghe nhận lãnh hiểu có hơn tám trăm vị tăng, đều là các bậc hiếm có xuất chúng anh tài một thời ở các phương đến. Nay nói mười năm phiên dịch chữ là sai lầm. Ngài La-thập đến Trường An vào ngày hai mươi tháng hai niên hiệu Hoàng Thỉ năm thứ ba đời Tần. Ngày năm tháng giêng niên hiệu Hoàng Thỉ thứ tư đến

dịch kinh, cuối ngày hai mươi tháng tám niên hiệu Hoằng Thi thứ tám ở Trường An, dịch xong, lễ ra chảng phải năm thứ mười dịch lại kinh.

Lại có vị Tăng ở nước Hồ tên Chi Khương Ngụy Cam Lộ năm đầu ở Giao Châu dịch ra sáu quyển, tên là kinh Pháp Hoa Tam-muội. Lại có Sa-môn Chi Đạo Lương vào triều đại Thái Khang đời Tấn năm đầu sao dịch thành năm quyển, tên là kinh Phương Đẳng Pháp Hoa. Hai bản này ở phương Nam không có, chỉ có kinh Pháp Hoa Tam-muội loại một quyển. Lại có kinh Tát-đàm một quyển Phân-đà-lợi, nên tìm riêng ở mục lục kinh. Nhưng đời Tấn có trước sau, xưa có ở Giang Hữu gọi là Tây Tấn, kinh này còn ở nước ngoài từ đây không có vua qua Giang Tả xưng là Đông Tấn. Đến niên hiệu Nghĩa Hy đời Tấn An Đế, kinh này mới qua Giang Tả, nhưng kinh này qua Giang Tả gần ba trăm năm.

X. Giảng nói lý do của kinh. Kinh đã có hai bản, ban đầu giảng cũng có hai vị. Ở đất Hán do ngài Trúc Pháp Hộ làm đầu tiên. Ngài Trúc Pháp Hộ vào ngày hai mươi tháng tám Vĩnh Hy năm đầu, có Tỳ kheo Luật Sư Bình Na ở Lạc Dương soạn kinh Chánh Pháp Hoa xong, cùng bàn luận với ngài Pháp Hộ liên quan đến lời dạy xưa giảng ra nghĩa sâu. Vào ngày mười bốn tháng chín ở chùa Đông Ngưu lập bày đàn tràng gom giảng kinh này xong, ngày đêm chẳng ai không vui mừng. Kế là bản mới dịch Diệu pháp Liên Hoa, sau khi dịch xong, có Pháp sư Đạo Dung ở Trường An giảng bản mới này, chia thành chín triệt, người bấy giờ gọi là Cửu Triệt Pháp sư. Từ đó về sau người biên soạn, giảng, nói nhiều không thể kể hết.

